

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2017

Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**
Tên tiếng Anh An Phat Plastic and Green Environment Joint Stock Company
Tên viết tắt An Phat., JSC
Logo



Giấy CNĐKKD 0800373586 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007 thay đổi lần thứ 25 ngày 08/12/2017
Vốn Điều lệ 835.999.880.000 đồng
Trụ sở chính Lô CN 11+ CN 12, Cụm CN An Đồng, TT.Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Điện thoại 02203.755.998
Fax 02203.755.113
Website www.anphatplastic.com
Mã cổ phiếu AAA

Hải Dương, tháng 02 năm 2018

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	2
1. Tầm nhìn, sứ mệnh, và giá trị cốt lõi	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Các thành tích đạt được	4
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	8
5.1. Giới thiệu Hội đồng quản trị	9
5.2. Giới thiệu ban điều hành công ty	12
5.3. Ban Kiểm soát.....	13
5.4. Cơ cấu bộ máy quản lý	14
5.5. Các công ty con, công ty liên kết	14
6. Định hướng phát triển	15
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	17
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	17
1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	17
1.2. Những thay đổi chính trong năm	17
2. Tổ chức và nhân sự	18
2.1. Thay đổi Ban điều hành trong năm.....	18
2.2. Nguồn nhân lực.....	18
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	19
3.1. Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết	19
3.2. Tình hình đầu tư.....	20
4. Tình hình tài chính	22
4.1. Tình hình tài chính	22
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	23
5.1. Cổ phần đang lưu hành	23
5.2. Cơ cấu cổ đông	23
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	23
III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....	25
1. Thành viên Ban điều hành.....	25

2.	Kết quả hoạt động	25
2.1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	25
2.2.	Tình hình tài chính	26
2.3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	27
3.	Báo cáo quản trị rủi ro	31
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	33
5.	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	35
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	36
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng giám đốc 36	
2.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	36
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	38
1.	Thành viên HĐQT	38
2.	Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	38
3.	Hoạt động của Hội đồng quản trị	38
3.1.	Vai trò của HĐQT	38
3.2.	Hoạt động của HĐQT	39
VI.	BAN KIỂM SOÁT	41
1.	Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát	41
2.	Hoạt động của Ban kiểm soát	41
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	42
3.1	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	42
3.2	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	43
3.3	Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2017	43
3.4	Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	44
VII.	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	45
1.	Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị	45
2.	Thông tin chung về báo cáo	46
3.	Tổng quan về phát triển bền vững tại AAA	46
3.1.	Các tác động của AAA liên quan đến phát triển bền vững	46
3.2.	Định hướng phát triển bền vững của AAA	47
4.	Gắn kết phát triển bền vững trong quản trị doanh nghiệp	50
5.	Gắn kết với các bên liên quan	50
5.1.	Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan	50

5.2.	Mối quan tâm của các bên liên quan.....	51
6.	Xác định các lĩnh vực trọng yếu.....	53
6.1.	Quy trình xác định các vấn đề trọng yếu	53
6.2.	Phân loại các vấn đề trọng yếu trong môi quan hệ tương quan với các yếu tố.....	54
6.3.	Ma trận các vấn đề trọng yếu	55
7.	Báo cáo hoạt động phát triển bền vững năm 2017	55
7.1.	Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh	55
7.2.	Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển	57
7.3.	Đảm bảo việc làm ổn định, thu nhập và các lợi ích khác cho người lao động	58
7.4.	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	60
7.5.	Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng	62
7.6.	Sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường	66
PHỤ LỤC		70

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tầm nhìn, sứ mệnh, và giá trị cốt lõi

Tầm nhìn	<ul style="list-style-type: none">✓ Trở thành tập đoàn đại chúng tiên phong trong ngành hóa nhựa Việt Nam✓ Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, công nghệ cao và thân thiện môi trường trong ngành công nghiệp nhựa và bao bì
Sứ mệnh	<ul style="list-style-type: none">✓ Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, sản xuất và giao dịch các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật cao và thân thiện môi trường trong ngành công nghiệp nhựa và bao bì, mang lại các giá trị lớn cho khách hàng và các cổ đông.
Giá trị cốt lõi	<ul style="list-style-type: none">✓ Không ngừng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm thân thiện với môi trường✓ Tối ưu hóa hệ thống quản lý để mang lại hiệu quả cao và chi phí thấp nhất.✓ Luôn luôn đề cao chữ Tín với khách hàng, cổ đông và nhân viên

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát được thành lập ngày 9/3/2007 có những cột mốc phát triển quan trọng như sau:

Thời gian	Dấu mốc phát triển
▪ 2002	Công ty TNHH Anh Hai Duy - Tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, được thành lập với 02 thành viên, số vốn điều lệ là 500 triệu đồng.
▪ 2004	Xây dựng nhà máy sản xuất số 1 tại KCN Nam Sách.
▪ 2005	Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa số 2.
▪ 2007	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát được thành lập với vốn điều lệ 30 tỷ đồng. Vốn điều lệ tăng lên 66 tỷ đồng vào tháng 12/2007

- **2008** Đưa Nhà máy số 2 có công suất thiết kế 800 tấn sản phẩm/tháng đi vào hoạt động.
- **2009** Nhà máy số 3 công suất 800 tấn/ tháng đi vào hoạt động. Sản phẩm chiến lược là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn thực phẩm cao cấp. Tháng 11, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát.
- **2010**
 - Tăng vốn điều lệ lên 99 tỷ đồng
 - Chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là AAA.
 - Nhà máy sản xuất CaCO₃ chính thức đi vào hoạt động, sản lượng trung bình đạt 450 tấn sản phẩm/tháng
- **2011** Nhà máy sản xuất số 2 mở rộng của An Phát đi vào hoạt động, nâng công suất của toàn nhà máy 2 lên 1.500 tấn sản phẩm/tháng.
- **2012** Phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 198.000.000.000 đồng.
- **2013** Nhà máy số 5 hoàn thành và đi vào giai đoạn chạy thử nghiệm. Toàn bộ sản phẩm của nhà máy sẽ được xuất khẩu sang Nhật Bản.
- **2014** Phát hành 19.800.000 cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 396.000.000.000 đồng
- **2015** Thực hiện phát hành 9.899.988 cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ lên 494.999.880.000 đồng.
- **2016**
 - Chuyển niêm yết cổ phiếu AAA từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE).
 - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và 5.065.000 cổ phiếu theo đề nghị thực hiện chứng quyền đợt 1 của Nhà đầu tư tăng vốn Điều lệ lên 569.649.880.000 đồng.
- **2017**
 - Nhà máy 6, 7 đi vào hoạt động
 - Phát hành 1,7 triệu cổ phiếu cho người lao động và 585.000 cổ phiếu để trả chứng quyền đợt 2 nâng vốn điều lệ lên 592.499.880.000 đồng

- Phát hành 24.350.000 cổ phiếu để trả chứng quyền đợt 3, nâng vốn điều lệ lên 835.999.880.000 đồng

3. Các thành tích đạt được

- Huân chương Lao động hạng ba của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2017.
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Hải Dương năm 2017: đơn vị xuất sắc trong sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Top 5 doanh nghiệp niêm yết (DNNY) có hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) tốt nhất năm 2016 do Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) phối hợp cùng Vietstock tổ chức bình chọn.
- Bằng khen Bộ trưởng Bộ Tài Chính năm 2016 vì đã có thành tích thực hiện tốt công tác kê khai nộp thuế năm 2015.
- Giấy khen Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thuế năm 2015 vì có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2014.
- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất HNX năm 2014-2015.
- Chứng nhận của Viện Doanh Nghiệp Việt Nam, Tổ chức đánh giá và chứng nhận quốc tế InterConformity (Cộng hòa Liên bang Đức, châu Âu) năm 2013 về Chỉ số tín nhiệm doanh nghiệp Trusted Brand Index – TBI.
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ vì đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và xây dựng, bảo vệ tổ quốc năm 2012.
- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong Hợp tác kinh tế Quốc tế của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế.
- Sao vàng đất Việt năm 2009, 2010, 2011
- Thương hiệu mạnh năm: 2007, 2008, 2009, 2010, 2011
- Thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam năm 2008, 2009, 2010
- Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương năm 2009, 2010, 2011, 2013
- Giấy khen của UBND huyện Nam Sách, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Nam Sách năm 2012, 2013, 2015
- Bằng khen của Hiệp hội Nhựa Việt Nam: Tặng khen doanh nghiệp nhựa xuất sắc năm 2007 – 2012
- Cùng nhiều bằng khen và giải thưởng uy tín khác

- Một số hình ảnh về thành tích mà AAA đạt được:



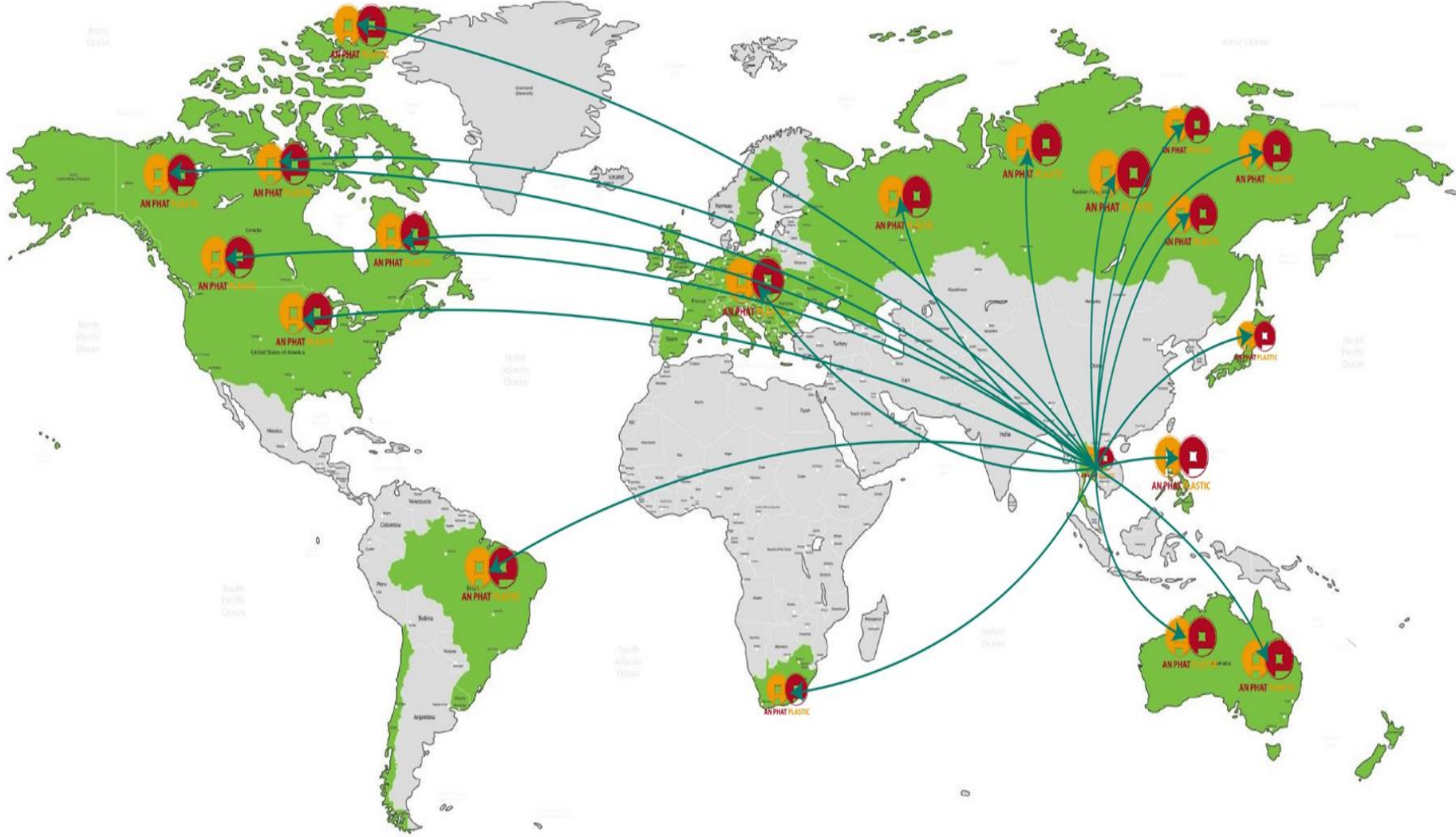
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– **Ngành nghề kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh	Hoạt động
Bao bì nhựa	<p>An Phát là một trong những doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa tự phân huỷ.</p> <p>Bên cạnh các dòng sản phẩm truyền thống trong những năm qua, công ty đã và đang không ngừng nghiên cứu, thí nghiệm sản xuất thành công những dòng sản phẩm bao bì chất lượng, thân thiện và phù hợp với nhu cầu của thị trường.</p> <p>Sản phẩm của An Phát được tiêu thụ trên các thị trường lớn của thế giới như: EU, Mỹ, Châu Phi, Singapo, Nhật Bản...</p>
Hạt nhựa	<p>Bên cạnh việc nhập khẩu hạt nhựa cho hoạt động sản xuất của mình, An Phát cũng chú trọng tới lĩnh vực kinh doanh thương mại hạt nhựa cho các nhà máy của Việt Nam. Hàng năm hoạt động này cũng tạo doanh thu đáng kể cho An Phát.</p>

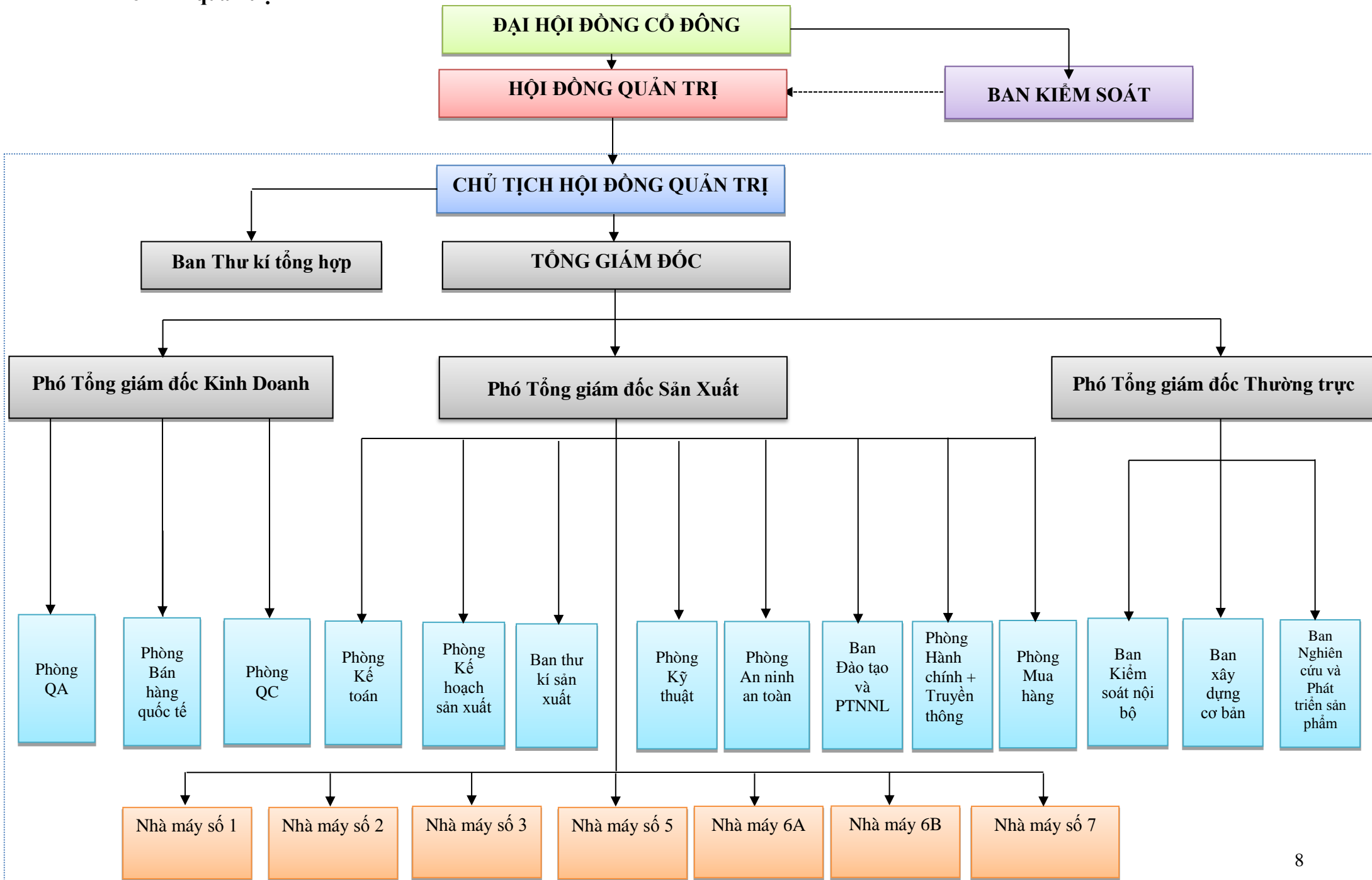
- **Địa bàn kinh doanh:** Hiện công ty xuất khẩu 100% tổng sản lượng bao bì nhựa ra nước ngoài tới các thị trường chủ yếu: Châu Âu, Nhật Bản, Úc, Mỹ...

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CỦA AN PHÁT



5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị



5.1. Giới thiệu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hiện tại gồm 5 thành viên:

- **ÔNG PHẠM ÁNH DƯƠNG**
Chủ tịch HĐQT
- **ÔNG NGUYỄN LÊ TRUNG**
Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- **ÔNG PHẠM HOÀNG VIỆT**
Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực
- **BÀ HÒA THỊ THU HÀ**
Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- **ÔNG PHẠM ĐÌNH NGƯ**
Ủy viên HĐQT



- **Ông Phạm Ánh Dương**
Thành viên sáng lập, Chủ tịch HĐQT
Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Sinh năm 1976

Kinh nghiệm:

Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp:

- Từ năm 2002 – 2007 ông là Giám đốc công ty TNHH Anh Hai Duy tiền thân của An Phát
- Ông là chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát từ 2007 – 2009
- Đồng thời từ 2007 – 5/2012, ông là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát, 2009– 2015: ông là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
- Từ 2010 – 6/2011, ông là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
- 07/2011 đến nay , ông đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát.



- **Ông Nguyễn Lê Trung**

*Thành viên sáng lập, Ủy viên HĐQT,
Tổng Giám đốc Công ty
Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Sinh năm 1976*

Kinh nghiệm:

Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp:

- Từ 2002 – 2009, ông giữ chức vụ kế toán trưởng công ty TNHH Anh Hai Duy và Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Từ 2007 – 2015, ông lần lượt giữ chức vụ Ủy viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
- Đồng thời, từ 2011 đến nay, ông là Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát.



- **Ông Phạm Hoàng Việt**

*Thành viên sáng lập, Ủy viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Sinh năm 1981*

Kinh nghiệm:

Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị:

- Từ 2003-2007, ông là trưởng phòng kinh doanh công ty TNHH Anh Hai Duy
- Từ 2007- 2010, ông giữ chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư An Phát
- 2009 – 2015, ông là Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái và Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh
- Từ 2007 đến nay ông giữ chức vụ ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc thường trực từ tháng 12/2012.



- **Bà Hòa Thị Thu Hà**
Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng
Cử nhân Kinh tế
Sinh năm 1978

Kinh nghiệm:

Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán:

- Bà đảm nhiệm nhân viên kế toán tại các công ty: Công ty TNHH Khang Vinh, Công ty TNHH Hưng Việt, Công ty TNHH Anh Hai Duy.
- 2006 – 2009: bà giữ chức vụ trưởng phòng kế toán Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát.
- Từ 2010 đến nay, bà là Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát



- **Ông Phạm Đình Ngu**
Ủy viên HĐQT
Kỹ sư cơ khí
Sinh năm 1959

Kinh nghiệm:

Ông có kinh nghiệm trong công tác quản trị:

- Từ 1992 – 1994, ông là đội phó Đội khai thác than Vàng Danh
- 1994 – 2005 , ông giữ chức vụ Bí thư chi bộ - Phó Quản đốc Xưởng Cơ khí – Nhà máy Z49
- 2006 – 2012, ông là quản đốc Xưởng cơ khí – Thủy lực – Nhà máy Z49 – Bộ tư lệnh Công binh
- Từ 2012 đến nay, ông là Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát.

5.2. Giới thiệu ban điều hành công ty



- **Ông Nguyễn Lê Trung**
*Thành viên sáng lập, Ủy viên HĐQT,
Tổng Giám đốc Công ty
Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Sinh năm 1976*

(Xem phần 5.1. Giới thiệu Hội đồng quản trị)



- **Ông Phạm Hoàng Việt**
*Thành viên sáng lập, Ủy viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Sinh năm 1981*

(Xem phần 5.1. Giới thiệu Hội đồng quản trị)



- **Bà Trần Thị Thoản**
*Phó Tổng Giám đốc sản xuất
Cử nhân ngoại ngữ
Sinh năm: 1985*

Kinh nghiệm:

Bà có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực



- **Bà Đặng Thị Quỳnh Phương**
*Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh
Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Sinh năm: 1989*

Kinh nghiệm:

Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh

quản lý, quản trị công ty:

- 2007 – 2009, bà phụ trách Đối ngoại tại Công ty TNHH XQ Việt Nam
- Bà giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm kinh doanh Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát từ 2009 – 2015
- Từ 2015 đến tháng 3/ 2017, bà là Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
- Từ tháng 3/2017 đến nay, bà được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát.

vực kinh doanh:

- Từ 2012 – 2015, bà là nhân viên Kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Từ 12/2015 – 3/2017, bà giữ chức vụ Giám đốc phụ trách kinh doanh
- Đến 3/2017, bà được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
- Đồng thời, từ 2/2016 đến nay, bà là Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái.

5.3. Ban Kiểm soát



• **Bà Nguyễn Thị Giang**

Trưởng ban kiểm soát

Cử nhân Kinh tế - Kế toán

Sinh năm: 1983



• **Bà Vũ Thị Minh Nguyệt**

Thành viên Ban kiểm soát

Cử nhân kinh tế - kế toán

Sinh năm: 1977



• **Bà Văn Thị Lan Anh**

Nhân viên Hành chính kiêm thành viên Ban Kiểm

soát

Trung cấp điện,

Sinh năm: 1977

Kinh nghiệm:

- Từ năm 2008 – 2015, bà là nhân viên phòng Kế toán Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
- 2015 – 3/2016, bà là thành viên Ban kiểm tra nội bộ của công ty
- Từ 3/2016 đến nay, bà giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Kinh nghiệm:

- Từ năm 1999 – 3/2016, bà là nhân viên kinh doanh tại: Trung tâm Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Mô Việt Bắc, Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
- Từ 3/2016 đến nay, bà giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát

Kinh nghiệm:

- Từ 2002 – 2004, bà làm việc tại Công ty Xây lắp điện 4
- Từ 10/2004 – 4/2009, bà là nhân viên văn phòng tại Công ty TNHH Anh Hai Duy và Công ty CP Nhựa và MTX An Phát
- Từ 4/2009 đến nay, bà là Nhân viên hành chính kiêm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa và MTX An Phát

5.4. Cơ cấu bộ máy quản lý

AAA có trụ sở chính tại Lô CN 11 + CN 12, Cụm CN An Đông, TT Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và 01 VP Đại diện tại Hà Nội, 01 Văn phòng đại diện tại Nhật Bản và 01 Văn phòng đại diện tại Thụy Điển.

5.5. Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên đơn vị	Mối liên hệ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn của AAA	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Công ty con	136.000.000.000 VND	35,29%	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH Nhựa Thakkek	Công ty con	2.500.000 USD	100%	Đang thu hồi vốn đầu tư
3	Công ty Cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty con	100.000.000.000 VND	65%	Đang xây dựng

6. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - Phát triển nhanh, mạnh, lấy bao bì tự hủy làm sản phẩm sản xuất và kinh doanh chủ lực trong tương lai theo xu thế tiêu dùng tất yếu của thế giới để chuyển dịch cơ cấu sản xuất và bán hàng dần dần về các sản phẩm xanh thân thiện với môi trường
 - Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển để đưa vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa có hàm lượng công nghệ cao, gia tăng doanh thu cho công ty, gia tăng giá trị cho xã hội và các cổ đông
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Trở thành tập đoàn đại chúng tiên phong trong ngành sản xuất và kinh doanh hóa nhựa Việt Nam, tạo ra giải pháp lớn để thống nhất thị trường trong nước, giữ vững và mở rộng thị phần toàn cầu, tiến tới vị thế dẫn đầu trong ngành nhựa và bao bì tại Đông Nam Á.
 - Kéo dài chuỗi sản phẩm ngành hóa nhựa từ nguyên vật liệu đầu vào đến đầu ra và sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng, làm gia tăng giá trị ngành, nâng cao sự phát triển của ngành hóa nhựa Việt Nam, gia tăng sức cạnh tranh của ngành sản xuất Việt Nam trên thế giới.
- Những việc làm cụ thể:
 - Sản xuất hạt compounds nguyên liệu phân hủy sinh học, tiếp tục sản xuất và mở rộng thị trường bao bì phân hủy sinh học thân thiện với môi trường cho thị trường quốc tế, tiến đến phục vụ thị trường trong nước khi nhu cầu đủ lớn và các chế tài về bảo vệ môi trường được áp dụng chặt chẽ.
 - Nghiên cứu ứng dụng, sản xuất và mở rộng thị trường các sản phẩm nhựa ép kỹ thuật áp dụng công nghệ cao cho các linh kiện nhựa điện tử, đồ gia dụng điện tử
 - Nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm nhựa gia dụng chất lượng vượt trội, chiếm lĩnh thị trường nội địa với thương hiệu An Phát
 - Phát triển và sản xuất bao bì công nghiệp chất lượng cao cho phân khúc dược phẩm và thực phẩm, cũng như gia tăng sản lượng và doanh thu với các sản phẩm bao bì công nghiệp thông dụng
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- An Phát phần đầu trở thành doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện trách nhiệm xã hội trong ngành bao bì nói chung và trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng. Đảm bảo các hoạt động sản xuất tuân thủ đúng quy định pháp luật về môi trường; lương và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động luôn duy trì ở mức cao.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (đồng)	3.300.000.000.000	4.076.763.652.003	123,54
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN (đồng)	220.000.000.000	263.364.105.956	119,71

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát năm 2017)

1.2. Những thay đổi chính trong năm

- Đã hoàn thành các chỉ tiêu chính trong năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định theo đúng định hướng phát triển.
- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Trong năm Công ty đã phát hành 1,7 triệu cổ phiếu cho người lao động, phát hành 585.000 cổ phiếu để trả chứng quyền đợt 2, phát hành 24.350.000 cổ phiếu thực hiện chứng quyền lần 3 nâng vốn điều lệ lên 835.999.880.000 đồng
- Đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất số 6 có công suất 3.200 tấn sản phẩm/tháng chuyên xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Nhà máy sản xuất số 7 có công suất 800 tấn sản phẩm/tháng cho thị trường Hoa Kỳ.
- Đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, góp vốn thành lập công ty liên kết Công ty Cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát.
- Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trên các thị trường tiềm năng cả về chiều rộng cũng như việc đa dạng hoá sản phẩm tại thị trường. Đẩy mạnh xuất khẩu tại các thị trường mới đặc biệt là Nhật Bản và Úc, Hoa Kỳ.
- Duy trì và thực hiện tốt các chế độ cho người lao động của Công ty cũng như đảm bảo hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Thay đổi Ban điều hành trong năm

Trong năm, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm bà Đặng Thị Quỳnh Phương giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kinh doanh, bà Trần Thị Thoàn được điều chuyển giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc sản xuất.

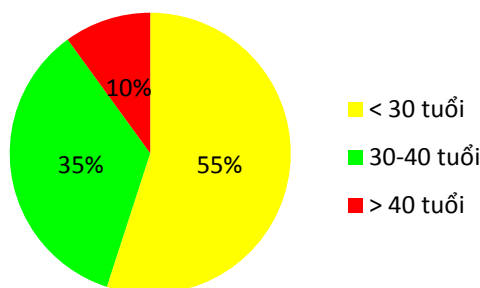
2.2. Nguồn nhân lực

Nội dung	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013
Số lượng lao động	1.958	1.737	1.283	1.124	1.252
Trên đại học	3	3	3	3	3
Đại học	155	145	121	84	94
Cao đẳng	210	208	197	123	87
Trung cấp nghề	130	126	98	77	169
PTTH	1.460	1.255	864	837	899
Số lượng lao động	1.958	1.737	1.283	1.124	1.252
Nam	1.469	1.306	1.040	836	1.014
Nữ	489	431	243	288	238

Năm 2017, nhà máy số 6 và nhà máy số 7 được đưa vào hoạt động. Do đó, công ty cần tuyển thêm nhiều nhân lực để đáp ứng yêu cầu sản xuất. Năm 2017, số lượng lao động tăng 221 lao động, tăng 12,7% so với số lao động năm 2016. Số lao động nam vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lao động: trung bình lao động nam chiếm tỷ trọng 75% tổng số lao động.

Lao động phân theo độ tuổi năm 2017:

Cơ cấu lao động theo độ tuổi 2017



Hiện nay, số lao động trẻ của AAA chiếm tỷ trọng lớn, số lao động dưới 30 tuổi là 1077 lao động (khoảng 55% tổng số lao động). Số lao động có tuổi lớn hơn 40 chỉ chiếm khoảng 10% (196 người). Lao động trẻ, có tay nghề và trình độ là những lợi thế về nguồn nhân lực, đóng góp cho sự phát triển của An Phát.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

- Các công ty con

STT	Tên đơn vị	Mối liên hệ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn của AAA	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Công ty con	136.000.000.000 đồng	35, 29%	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH Nhựa Thakkek	Công ty con	2.500.000 USD	100%	Đang thu hồi vốn đầu tư
3	Công ty Cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty con	100.000.000.000 đồng	65%	Đang xây dựng

- Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

- Giấy CN ĐKDN: 5200466372 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 01/10/2009
- Trụ sở: Khu Công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác đá, mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm nhựa
- Vốn điều lệ: 136.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của AAA: 35,29%
- Hoạt động hiện tại: Nhà máy An Phát – Yên Bái (An Phat Mineral) đã được khởi công xây dựng với dây chuyền công nghệ hiện đại. Hiện nay, An Phát Mineral đã đi vào hoạt

động sản xuất kinh doanh với sản phẩm bột đá vôi siêu mịn (CaCO_3) đạt tiêu chuẩn quốc tế và hạt nhựa CaCO_3 .

Trong kế hoạch phát triển, An Phát – Yên Bái sẽ đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài bên cạnh việc duy trì ổn định thị trường trong nước, hiện An Phát – Yên Bái đã ký kết được nhiều hợp đồng xuất khẩu sản phẩm với các đối tác tại Ả-rập, Singapore, Israel, Hàn Quốc và Ấn Độ.

- Công ty TNHH Nhựa Thakkek

Công ty TNHH Nhựa Thakkek là một dự án xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào có vốn Điều lệ là 2.500.000 USD (sau khi điều chỉnh), trong đó Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là đơn vị góp 100% vốn Điều lệ. Tuy nhiên trong quá trình triển khai dự án, Công ty gặp nhiều vấn đề khó khăn trong cơ sở hạ tầng, vận tải hàng hóa. Vì vậy, Công ty quyết định sẽ giải thể, thu hồi vốn đầu tư để chuyển đầu tư về Việt Nam.

- Công ty Cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát

- Giấy CN ĐKDN: 0801225485 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 27/10/2017
- Trụ sở: Lô CN11+CN12, cụm CN An Đồng, Thị trấn Nam Sách, Huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm từ plastic
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của AAA: 65%
- Hoạt động hiện tại: Sẽ tiến hành xây dựng trong năm 2018.

3.2. Tình hình đầu tư

Công ty Cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát với tổng vốn đầu tư khoảng 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa công nghệ cao, nhựa ép phun, và các chi tiết nhựa nhỏ, chủ yếu phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam. Nguồn vốn góp cho dự án thành lập công ty con được sử dụng từ nguồn vốn tự có của Công ty sau khi phát hành chứng quyền. Thời

gian góp vốn là tháng 10 và tháng 11 năm 2017. Dự kiến công ty sẽ được xây dựng trong năm 2018.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: triệu VND

Kết quả kinh doanh	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	2.143.770	4.069.608	89,83%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	165.553	326.060	96,95%
Lợi nhuận khác	1.044	1.994	91%
Lợi nhuận trước thuế	166.597	328.054	96,91%
Lợi nhuận sau thuế	142.925	263.364	84,27%

Bảng cân đối tài sản	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng tài sản	1.954.765	3.077.616	4.576.157
Vốn điều lệ	494.999,88	592.499,88	835.999,88
Nguồn vốn chủ sở hữu	819.485	954.579	1.624.970

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,61	1,19	1,08
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,29	0,80	0,81
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,58	0,69	0,65
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,39	2,22	1,82
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	8,10	5,53	7,22
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,83	0,70	0,89
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,07	0,06
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,05	0,15	0,16
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,02	0,05	0,06
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,08	0,08

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần đang lưu hành

Tiêu chí	Số lượng
Tổng số cổ phần đang giao dịch	83.599.988
Cổ phần tự do chuyển nhượng	83.599.988
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

5.2. Cơ cấu cổ đông

Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn chủ sở hữu	835.999.880	100,0
- Cổ đông lớn	331.848.370	39,69%
- Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	504.151.510	60,31%
Trong đó		
- Nhà nước	-	-
- Người nước ngoài	102.881.600	12,31%

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 18/01/2018 của AAA)

• Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn Điều lệ

STT	Họ tên	Số ĐKSH	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần An Phát Holdings	0801210129	26.648.465	31,87
2	KALLANG LIMITED	CA6162	6.536.372	7,82
	Tổng		33.184.837	39,69

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 18/01/2018 của AAA)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1802/2017/NQ-ĐHĐ ngày 18/02/2017 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 0806/2017/QĐ-CTHĐQT ngày 08/06/2017 và quyết định số 0512/2017/QĐ-HĐQT ngày 05/12/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền trong năm 2017, AAA đã phát hành thành công 1.700.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP, 585.000 cổ phần thực hiện chứng quyền lần 2, và 24.350.000 cổ phần thực hiện chứng quyền lần 3 cho các Nhà đầu tư nâng vốn điều lệ lên 835.999.880.000 đồng.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm 2017	Năm 2016
Vốn góp đầu năm	569.649.880.000	494.999.880.000
Vốn góp tăng trong năm	266.350.000.000	74.650.000.000
Vốn góp cuối năm	835.999.880.000	569.649.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.624.994.000	86.549.979.600

Cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.599.988	56.964.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83.599.988	56.964.988
Cổ phiếu phổ thông	83.599.988	56.964.988
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.599.988	56.964.988
Cổ phiếu phổ thông	83.599.988	56.964.988
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Thành viên Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc thường trực
3	Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc sản xuất
4	Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

2. Kết quả hoạt động

2.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 cụ thể như sau:

• Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (tỷ đồng)	3.300	4.076,8	123,54
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	220	263,4	119,73

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát năm 2017)

Năm 2017, là năm đánh dấu những cột mốc quan trọng của Công ty đưa vào hoạt động chính thức Nhà máy số 6 và số 7, đẩy mạnh phát triển thị trường Nhật Bản, Mỹ và Úc. Sự ổn định của nguyên liệu chính, cùng những chính sách điều hành sản xuất kinh doanh nhạy bén, linh hoạt và hợp lý, sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, An Phát đã có sự thành công về mặt doanh thu và lợi nhuận với những con số ấn tượng, cao nhất kể từ khi thành lập đến nay, lần lượt ghi nhận 4.076,8 tỷ đồng và 263,4 tỷ đồng. Con số lãi ròng 263,4 tỷ đồng này gấp đến 1,84 lần so với thực hiện năm 2016, đồng thời vượt kế hoạch lên đến gần 20%.

• Về thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua, Ban điều hành đã rất cố gắng trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã tích cực trong việc chỉ đạo các phòng chức năng hoàn thiện việc xây dựng, lắp đặt tại các Nhà máy mới của Công ty. Sau thời gian hiệu chỉnh máy móc và đào tạo công nhân mới để đồng

bộ quy trình sản xuất, nhà máy 6 với công suất 38.400 tấn sản phẩm/năm đã đi vào hoạt động ổn định, năng suất lao động tăng cao. Toàn bộ các sản phẩm của nhà máy 6 được xuất khẩu sang thị trường Nhật. Nhà máy 7 có công suất 9.600 tấn/năm, sản xuất túi drawstring cho thị trường Mỹ. Công ty sẽ lắp đặt máy móc và hoàn thiện dây chuyền để sớm đưa nhà máy vào hoạt động ổn định, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

Bên cạnh hai nhà máy mới, công ty đã không ngừng sáng tạo, triển khai áp dụng thành công các cải tiến vào trong sản xuất, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động của các nhà máy hiện tại. Theo đó, năng suất lao động toàn Công ty tăng lên đáng kể trong khi vẫn đảm bảo chất lượng, tỷ lệ phế giảm mạnh, giúp AAA từng bước thực hiện kế hoạch đầy triển vọng của năm 2017 là quyết tâm đạt mục tiêu 8.000 tấn sản phẩm/tháng vào cuối năm 2017 và đã thành công, hoàn thành vượt kế hoạch. Đồng thời tích cực đẩy mạnh hoạt động phát triển thị trường, hợp tác sâu rộng với khách hàng trong việc tiêu thụ và phát triển sản phẩm mới.

Trong năm, Ban điều hành cũng đã phối hợp cùng Hội đồng quản trị thực hiện thành công kế hoạch phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền, huy động vốn cho dự án thành lập công ty con.

2.2. Tình hình tài chính

• Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản của công ty qua 4 năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	694.379	48,8	1.071.561	54,8	1.361.646	44,2	2.142.716	46,82
Tài sản dài hạn	727.272	51,2	883.204	45,2	1.715.970	55,8	2.433.441	53,18
Tổng	1.421.651	100,0	1.954.765	100,0	3.077.616	100,0	4.576.157	100,0

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát)

Tổng tài sản của công ty đã tăng lên liên tục trong những năm qua do hoạt động sản xuất kinh doanh được mở rộng liên tục. Năm 2017, Công ty đã hoàn thành xây dựng nhà xưởng, đầu tư máy móc, thiết bị... cho hai dự án Nhà máy 6 và Nhà máy 7 nên tài sản dài hạn tăng mạnh, chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản.

• Tình hình nợ phải trả:

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tài sản ngắn hạn (triệu đồng)	694.379	1.071.561	1.361.646	2.142.716
Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	507.674	667.079	1.140.285	1.990.804
Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1,37	1,61	1,19	1,08

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn không có sự biến động lớn qua các năm, năm 2017 hệ số nợ ngắn hạn giữ ở mức 1,08 là ở mức an toàn của doanh nghiệp. Công ty sử dụng nguồn vốn ngắn hạn hiệu quả, đồng thời không gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ ngắn hạn.

- Hệ số thanh toán nhanh:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Hệ số thanh toán nhanh	1,10	1,29	0,80	0,81

Hệ số thanh toán nhanh của công ty năm 2017 đạt mức 0,81.

- Hệ số thanh toán dài hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tài sản dài hạn (triệu đồng)	727.272	883.204	1.715.970	2.433.441
Nợ dài hạn (triệu đồng)	127.651	468.200	982.579	960.383
Hệ số thanh toán nợ dài hạn	5,70	1,89	1,75	2,53

Khả năng thanh toán nợ dài hạn năm 2017 đạt mức 2,53, với công ty được đánh giá là tốt.

2.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

• Công tác tổ chức, quản lý, chỉ đạo sản xuất

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng tuần, tháng, quý cho từng Nhà máy, từng Phòng ban, theo dõi sát việc thực hiện các chỉ tiêu, xử lý kịp thời những phát sinh, khó khăn, vướng mắc để tăng hiệu quả, giảm chi phí. Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy

đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường duy trì được ổn định và phát triển. Ban Tổng giám đốc tiến hành họp giao ban hàng tuần để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các vấn đề, khó khăn của từng bộ phận. Sau đó tìm giải pháp khắc phục, tránh ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất.

- Ban Tổng giám đốc kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp kiểm soát về tiền lương, tiền công, chi phí bảo trì bảo dưỡng, chi phí giá thành đã đặt ra từ đầu năm mang lại nhiều kết quả khả quan.
- Ban Tổng giám đốc tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho. Tăng cường công tác thu hồi công nợ nhằm giảm thiểu nợ kéo dài và tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Theo dõi sát tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các thị trường, các khách hàng của Công ty, để có những biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

• Công tác quản trị tài chính

- Công ty luôn thực hiện minh bạch trong các hoạt động tài chính, đầu tư, mua bán cũng như nhập nguyên liệu, xuất khẩu sản phẩm. Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực trong việc chỉ đạo xây dựng các dự án của Công ty, đặc biệt là tìm kiếm các đối tác, nhà thầu đủ uy tín, năng lực và giám sát chặt chẽ quá trình xây dựng đảm bảo thi công công trình đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và tiết kiệm ngân sách Công ty.
- Ban Tổng giám đốc và Phòng Kế toán - Tài chính luôn nhận được sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và sự giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát. Hoạt động tài chính Công ty được cụ thể trong Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán ghi nhận những chỉ số về doanh thu, lợi nhuận, lưu chuyển tiền tệ của Công ty.
- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, phí đối với cơ quan Nhà nước.

• Công tác quan hệ công chúng

- Trong năm 2017, bộ phận IR của công ty đã hoạt động có hiệu quả khi đảm bảo cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin về chiến lược, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần không nhỏ vào việc mang lại một hình ảnh minh bạch cho AAA trong mắt nhà đầu tư và cổ đông.

Các hoạt động IR năm 2017:

- Tuân thủ các quy định về công bố thông tin, đảm bảo công bố thông tin kịp thời, đúng hạn theo quy định

- Công bố Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo quản trị, các thông tin khác theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
 - Công bố báo cáo hàng tháng, hàng quý cho nhà đầu tư thông qua website chính của công ty, cũng như mạng xã hội facebook.
 - Trả lời các câu hỏi của cổ đông, nhà đầu tư và các công ty chứng khoán.
 - Trong năm qua, công ty đã họp, tiếp xúc với nhiều công ty chứng khoán, các tổ chức, quỹ đầu tư tài chính cũng như nhà đầu tư: Công ty Cổ phần chứng khoán HSC, Công ty Cổ phần chứng khoán SSI, Quỹ đầu tư Alliance Bernstein, Quỹ đầu tư Asia Frontier Capital (AFC), VinaCapital, Tập đoàn CJ Hàn Quốc, SCIC, Mirae Asset, Vietnam Holding, Mecuria, Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng, Công ty Chứng khoán VPBS, Công ty chứng khoán FPTTS, Asia Frontier Capital, Daiwa Asset Management, VietCapital, Công ty Core Trend Investment Co., và Công ty Korea Value System Asset Management Co., Ltd, Công ty Duxton Asset Management Pte Ltd...
 - Lãnh đạo công ty còn tham dự các hội thảo được các công ty chứng khoán và các quỹ đầu tư tổ chức như:
 - + Hội thảo đầu tư của công ty chứng khoán HSC tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh tháng 9/2017
 - + Hội thảo Vietnam Enterprise Conference tại Seoul, Hàn Quốc do công ty chứng khoán Samsung Securities tổ chức tháng 10/2017
 - Các thông tin về hoạt động của công ty liên tục được cập nhật tại website www.anphatplastic.com để các cổ đông và nhà đầu tư quan tâm tiện theo dõi, đặc biệt là các thông tin về thực hiện phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền trong năm 2017.
- **Công tác Nhân sự, xã hội, hoạt động cộng đồng**
- Trong năm Ban Tổng giám đốc đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích người lao động hăng say làm việc, chế độ lương thưởng, BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật lao động.
 - Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo trực tiếp hoạt động của Ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực Công ty trong vấn đề tuyển dụng và đào tạo nhân sự mới đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất của các Nhà máy hiện tại.

- Ban Tổng giám đốc cũng nghiên cứu lại tất cả các chính sách nhân sự đang áp dụng; cải tiến, sửa đổi trình Hội đồng quản trị xem xét áp dụng để thu hút nhân tài cho các kế hoạch phát triển của công ty. Đồng thời đưa ra định biên về nhân sự của các Phòng ban, Nhà máy sản xuất đảm bảo hợp lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.
- Thực hiện đúng các định hướng phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thành các mục tiêu về hoạt động cộng đồng, Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng chức năng thực hiện tốt các chính sách xã hội cho người lao động như: Xây dựng và sử dụng Quỹ từ thiện để ủng hộ cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà Đại đoàn kết, tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh sau giờ làm việc cho người lao động, ủng hộ các chương trình khuyến học tại địa phương, giúp đỡ gia đình chính sách, tổ chức giải bóng đá An Phát, Ngày hội thiếu nhi 1-6, Tết Trung thu....
- Công ty đã nhận phụng dưỡng 5 Mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn huyện Nam Sách.
- Hằng năm công ty đều tổ chức cho CBCNV đi du lịch và tham gia các trò chơi tập thể để kết nối các CBCNV, tạo sự đoàn kết.
- Tổ chức giao lưu gia đình cán bộ công nhân viên:
 Nhằm tạo điều kiện để gia đình, người thân các Cán bộ công nhân viên có cơ hội tìm hiểu về môi trường làm việc của con em mình, ngày 17, 22 và ngày 24/3/2017, Công ty đã tổ chức chương trình Giao lưu gia đình cán bộ công nhân viên. Những thành tựu và sự phát triển mạnh mẽ của An Phát có được là nhờ sự dẫn dắt bởi tầm nhìn và những bước đi sáng tạo của Ban lãnh đạo An Phát cùng sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty. Nhưng điều quan trọng hơn cả góp phần vào sự thành công của Công ty nói chung và của các cán bộ, công nhân viên nói riêng là sự ủng hộ động viên, khích lệ của một hậu phương vững chắc phía sau người lao động của An Phát - đó là gia đình các CBCNV. Hiểu rõ điều đó, tại buổi gặp mặt, lãnh đạo công ty đã gửi lời cảm ơn tới gia đình các CBCNV, đồng thời bày tỏ mong muốn trong thời gian tới đây, An Phát sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ từ phía gia đình các CBCNV để các CBCNV của An Phát có thể yên tâm công tác và cống hiến hết mình cho Công ty. Đến tham dự chương trình giao lưu, người thân của các CBCNV đã được trực tiếp đi tham quan xưởng sản xuất và tìm hiểu sâu hơn về

các chế độ chính sách đặc biệt mà hiện tại Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đang áp dụng đối với người lao động.

3. Báo cáo quản trị rủi ro

Cùng với những biến động của thế giới năm 2017, Việt Nam đối mặt với những biến động về kinh tế, chính trị, xã hội năm 2017. Hoạt động quản trị rủi ro của công ty là một bộ phận quan trọng không thể tách rời trong chiến lược chung của doanh nghiệp nhằm đảm bảo đạt được kế hoạch đề ra. Hoạt động quản trị rủi ro giúp AAA có thể nhận biết các rủi ro có thể xảy ra, đánh giá tác động ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó có biện pháp để giám sát, loại trừ hay giảm bớt tác động.

Các rủi ro chính và biện pháp quản trị:

STT	Tên rủi ro	Mô tả	Biện pháp kiểm soát
1	Rủi ro về chiến lược	Không có kế hoạch chiến lược rõ ràng cho mục tiêu phát triển lâu dài của công ty	<ul style="list-style-type: none"> Đặt ra mục tiêu, kế hoạch cho giai đoạn 2017 – 2022 Phổ biến cho các phòng, ban nắm được mục tiêu chiến lược Xác định các nguồn lực cốt lõi để thực hiện kế hoạch
2	Rủi ro suy giảm năng lực cạnh tranh	Giảm năng lực cạnh tranh so với các đối thủ, không đáp ứng được xu thế của thị trường	<ul style="list-style-type: none"> Bộ phận Marketing thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu nhu cầu thị trường, đảm bảo cập nhật tình hình một cách nhanh chóng, cụ thể nhất. Bộ phận R&D nghiên cứu các sản phẩm mới, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu khách hàng và tạo lợi thế cạnh tranh cho công ty.
3	Rủi ro về sản phẩm không đạt chất lượng	Các sản phẩm sản xuất bị lỗi, không đạt yêu cầu của khách hàng,	<ul style="list-style-type: none"> Đào tạo cho công nhân trước khi đưa vào sản xuất. Đồng thời đưa ra các bài sát hạch, kiểm tra

			<p>thường xuyên để đảm bảo năng lực làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> • QC thực hiện kiểm tra thành phẩm, phạt thẻ nếu bị lỗi
4	Rủi ro về nguyên liệu đầu vào không đáp ứng được về số lượng và chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> • Không đủ nguyên vật liệu cho sản xuất, quá trình sản xuất bị gián đoạn. • Các nguyên vật liệu chất lượng thấp, không đáp ứng nhu cầu, không thể đưa vào sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> • Quản lý tốt nguyên liệu tồn kho • Tìm và ký kết hợp đồng với nhà cung cấp mới • Thường xuyên đánh giá, kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu • Có kế hoạch mua hàng hợp lý
5	Rủi ro về nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> • Không đủ số lao động đáp ứng cho các kế hoạch phát triển của công ty. • Chất lượng nguồn nhân lực không đáp ứng được yêu cầu của quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> • Lập kế hoạch tuyển dụng cụ thể cho từng giai đoạn. • Có sẵn đội ngũ dự bị cho các vị trí quan trọng trong nhà máy. • Thường xuyên đào tạo cho công nhân các nhà máy • Tổ chức cho người lao động sang học tập tại các nước khác: Nhật Bản, Thái Lan...
6	Rủi ro về an ninh thông tin	Các rủi ro về gián đoạn hệ thống, vấn đề bảo mật thông tin, các tội phạm mạng công nghệ tấn công	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin của Công ty. • Cài đặt, cập nhật các công cụ bảo vệ cho hệ thống thông tin của công ty.
7	Rủi ro về tỷ giá	Rủi ro về tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu của công ty.	<ul style="list-style-type: none"> • Theo dõi các yếu tố có thể tạo nên biến động về tỷ giá. • Lập nhu cầu ngoại tệ, dự trữ ngoại tệ

			<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi sát sao biến động để có kế hoạch điều chỉnh hợp lý.
8	Rủi ro về lãi suất	Rủi ro về lãi suất ảnh hưởng tới các lãi vay phải trả của công ty cho các khoản vay trong nước	<ul style="list-style-type: none"> Lập kế hoạch vay và chi trả cụ thể cho từng khoản. Tìm và tận dụng các khoản vay dài hạn với lãi suất ưu đãi
9	Rủi ro về chính sách, pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống pháp luật nước ta còn nhiều vấn đề bất cập, nhiều quy định chồng chéo, không rõ ràng. AAA đã và sẽ mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh sang các nước khác. Pháp luật cũng như văn hóa các nước sẽ là một rào cản đối với sự phát triển của công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ theo các quy định, chính sách của Nhà nước. Thường xuyên theo dõi, cập nhật những luật mới. Nghiên cứu kỹ, tuân thủ và cập nhật những thông tin về luật pháp cũng như văn hóa, phong tục tại các nước mà công ty đầu tư, mở rộng kinh doanh. Tổ chức đào tạo nhân viên về văn hóa tại các nước mà công ty hoạt động.
10	Các rủi ro khác	Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty	Công ty đã mua các bảo hiểm vật chất cho các nhà máy và dự án của mình.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

❖ Định hướng phát triển của Công ty

- Trở thành tập đoàn đại chúng tiên phong trong ngành hóa nhựa Việt Nam

Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, công nghệ cao và thân thiện môi trường trong ngành công nghiệp nhựa và bao bì

- *Doanh nghiệp điển hình về thực hiện Trách nhiệm xã hội*

▪ **Đẩy mạnh sản xuất**

Trong các năm tới, xác định rằng sản phẩm túi hũy sẽ được các nước trên thế giới, đặc biệt là các thị trường lớn như Nhật Bản, EU, Châu Úc... ưa chuộng, Công ty sẽ chú trọng để phát triển mặt hàng này. Trong dài hạn, sản phẩm túi hũy sẽ là sản phẩm chính của Công ty. Với năng lực hiện có Công ty sẽ tiếp tục tận dụng các nguồn lực để đẩy mạnh sản xuất sản phẩm, trong đó sẽ chú trọng đến sản lượng túi nilon tự phân hũy – định hướng chiến lược của Công ty trong thời kỳ mới.

Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc Công ty cũng không ngừng đầu tư cải tiến máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động. Các cán bộ kỹ thuật của Công ty được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề.

Hiện tại, Công ty đang triển khai dự án xây dựng Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát với những mặt hàng nhựa công nghệ cao, nhựa ép phun, chi tiết nhựa nhỏ phục vụ nhu cầu các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam. Dự án này sẽ đi vào hoạt động trong năm 2018 góp phần nâng công suất cũng như doanh thu và lợi nhuận khả quan cho Công ty trong các năm tiếp theo.

Đưa vào áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến hiện đại của thế giới đặc biệt là vấn đề về công nghệ sản xuất và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm làm tăng năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất...

▪ **Đẩy mạnh xuất khẩu**

Hội đồng quản trị công ty xác định, thị trường chủ lực của Công ty là xuất khẩu với đích đến là các nước EU, Nhật Bản, Mỹ, và một số nước phát triển tại Châu Á, do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là các dòng bao bì nhựa cao cấp, bao bì tự phân hũy theo dạng cuộn, túi T-shirt, túi siêu thị và túi rác. Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty sẽ chú trọng mở rộng thị trường tới Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ La Tinh trong đó nâng cao doanh thu về dòng sản phẩm cao cấp.

▪ **Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội**

Thực hiện trách nhiệm xã hội là việc doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh, cách hành xử đối với người lao động, đối với môi trường cộng đồng và xã hội, nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động và sự phát triển bền vững. Ý thức được điều đó, trong quá trình hoạt động của mình, Ban lãnh đạo An Phát đã thực hiện nhiều chính sách có ý nghĩa lớn với người lao động tại Công ty. Tiêu biểu như các chính sách về: đảm bảo mức lương, thưởng hàng năm luôn ở vị trí cao của tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp cùng ngành; áp dụng chính sách về nhà ở, hỗ trợ đi lại cho người lao động ở tỉnh xa, thực hiện nhiều chương trình ủng hộ mang ý nghĩa xã hội như: ủng hộ đồng bào nghèo, thành lập Quỹ từ thiện, Quỹ khuyến học...

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và cán bộ công nhân viên trong công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đặc biệt có những chính sách bán hàng linh động, được điều chỉnh kịp thời, phù hợp với từng thị trường giúp Công ty ký được nhiều đơn hàng mới, tăng sản lượng sản xuất và thu lợi nhuận cao, hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông giao.

Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban tổng giám đốc, Hội đồng quản trị hết sức tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của các thành viên Ban Tổng giám đốc, cụ thể Ban Tổng giám đốc đã:

- + Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện những chiến lược mà HĐQT đã đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả.
- + Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Trong đó điều quan trọng nhất là Ban Tổng giám đốc đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự giỏi nghề, đáp ứng được yêu cầu công việc.
- + Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của công ty cho Hội đồng quản trị và bất kỳ khi nào cần thiết.
- + Công khai, minh bạch công bố thông tin kịp thời, chính xác.
- + Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và các phòng chức năng trong việc triển khai xây dựng dự án công ty con theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị định hướng cần giữ vững vị trí số 1 trong ngành sản xuất bao bì màng mỏng ở Việt Nam, vươn lên trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường hàng đầu châu Á.
- Triển khai kế hoạch thu xếp vốn và xây dựng Nhà máy sản xuất số 8 theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước, trong đó chú trọng lĩnh vực xuất khẩu vào các thị trường tiêu thụ lớn ở Châu Âu, Châu Úc đặc biệt là

Nhật Bản và Hoa Kỳ... bằng các kế hoạch marketing thu hút trọng điểm, tăng cường hệ thống kênh phân phối, phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, năng động.

- Tiếp tục định hướng trên cơ sở tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính, đặc biệt chú ý xem xét các đề xuất của các phòng ban, nhà máy, chú trọng đầu tư phát triển bền vững lưu ý các đề án, công tác bảo vệ môi trường của các nhà máy, các dự án. Tích cực tìm kiếm các nguồn lực về công nghệ để phục vụ sản xuất và nâng cao hiệu quả công việc cho các bộ phận của công ty.
- Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cho năm 2018 phù hợp với diễn biến thực tế của Công ty, của nền kinh tế và tập trung nỗ lực thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018
1	Sản lượng hợp nhất (tấn)	140.000
2	Tổng doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	6.000
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ đồng)	330
4	Dự kiến cổ tức năm 2018	Dự kiến 15-20% bằng tiền mặt

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên HĐQT

STT	Thành viên	Chức danh	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT các công ty khác
1	Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT Công ty CP An Phát Holdings
2	Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên HĐQT	Ủy viên HĐQT Công ty CP An Phát Holdings
3	Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên HĐQT	Ủy viên HĐQT Công ty CP An Phát Holdings
4	Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên HĐQT	Không có
5	Ông Phạm Đình Ngu	Ủy viên HĐQT	Không có

2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Không có.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

3.1. Vai trò của HĐQT

- Hội đồng quản trị luôn xác định vai trò định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát các hoạt động của công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- HĐQT đã tập trung làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quy chế quản trị Công ty, và Pháp luật hiện hành.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của công ty, rà soát và kịp thời điều chỉnh các chính sách, quy định của công ty.
- HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cũng như các bộ phận hỗ trợ, đảm bảo sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc phù hợp với các quy định và chính sách của công ty.
- Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự nhất trí cao của các thành viên và lưu trữ theo đúng quy định.

- Hiện Ban Tổng giám đốc có 2/5 thành viên là thành viên Hội đồng quản trị do đó việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông rất đồng bộ, nhanh gọn và có hiệu quả. Đây là một trong những ưu điểm giúp hoạt động quản trị của Công ty linh hoạt, nhất quán và triệt để hơn. Ngoài ra các thành viên độc lập không điều hành đã có nhiều ý kiến khách quan, hiệu quả trong các quyết định của Công ty.

3.2. Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2017, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát kịp thời các hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, phê duyệt các quy chế về tái cấu trúc tổ chức nhân sự, lương thưởng, các dự án đầu tư...
- Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết sau để phục vụ công tác điều hành:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0301/2017/NQ - HĐQT	03/01/2017	Góp thêm vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
2	0401/2017/NQ - HĐQT	04/01/2017	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017
3	2301/2017/NQ- HĐQT	23/01/2017	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2017
4	2002/2017/NQ- HĐQT	20/02/2017	Chi trả cổ tức năm 2016 đợt 2
5	2802/2017/NQ- HĐQT	28/02/2017	Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
6	0803/2017/NQ- HĐQT	08/03/2017	Thay đổi người đại diện vốn góp Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
7	0803/2017/QĐ – HĐQT	08/03/2017	Phân công nhiệm vụ Ban Tổng giám đốc
8	0803/2017/QĐ – HĐQT	08/03/2017	Bổ nhiệm cán bộ quản lý
9	0903/2017/QĐ- HĐQT	09/03/2017	Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
10	2703/2017/NQ- HĐQT	27/03/2017	Thay đổi người đại diện vốn góp Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
11	0304/2017/NQ- HĐQT	03/04/2017	Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
12	1904/2017/NQ- HĐQT	19/04/2017	Thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1802/2017/NQ-ĐHĐ
13	1205/2017/NQ- HĐQT	12/05/2017	Phân công triển khai kế hoạch phát hành cổ phiếu cho người lao động Công ty năm 2017
14	0806/2017/NQ - HĐQT	08/06/2017	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017
15	2906/2017/NQ- HĐQT	29/06/2017	Thay đổi người đại diện vốn góp Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
16	1207/2017/NQ- HĐQT	12/07/2017	Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
17	3107/2017/NQ- HĐQT	31/07/2017	Chi trả tạm ứng cổ tức năm 2017 đợt 1
18	0410/2017/NQ- HĐQT	04/10/2017	Thay đổi kế hoạch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
19	2310/2017/NQ - HĐQT	23/10/2017	Góp vốn thành lập Công ty con
20	2710/2017/NQ- HĐQT	27/10/2017	Ủy quyền ký kết các hợp đồng vay vốn, bảo lãnh, các hợp đồng thế chấp tài sản, kí kết các văn bản, các thủ tục hành chính khác
21	1311/2017/NQ - HĐQT	13/11/2017	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018 và Kế hoạch trả tạm ứng cổ tức 2017 đợt 2

VI. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Nguyễn Thị Giang	Trưởng ban	3/2016
2	Vũ Thị Minh Nguyệt	Thành viên	3/2016
3	Văn Thị Lan Anh	Thành viên	4/2009

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Vai trò của Ban kiểm soát
 - Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý và điều hành. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017
 - Xem xét các báo cáo và thông báo của Hội đồng quản trị đến cổ đông
 - Xem xét các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu và nội dung trên báo cáo.
- Kết quả thực hiện kiểm tra giám sát
 - Đến hết năm 2017, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ các yêu cầu của hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ. Chế độ hợp giao ban giữa Ban tổng giám đốc và các phòng chức năng được thực hiện tốt đã giúp phát hiện kịp thời các vấn đề khó khăn và có giải pháp kịp thời.
 - Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả kinh doanh trong năm, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam
 - Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (tỷ đồng)	3.300	4.076,8	123,54
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	220	263,4	119,73

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát năm 2017)

- Một số kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017 như sau:
 - Công ty đã đẩy mạnh được sản xuất và xuất khẩu vào các thị trường trọng điểm, đơn hàng nhiều và đảm bảo chất lượng, doanh thu và lợi nhuận cao vượt kế hoạch được giao.
 - Đã hoàn thành việc trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
 - Đã chỉ đạo các bộ phận thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
 - Đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ công nhân viên và cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 2 và đợt 3 cho Nhà đầu tư
- Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
 - Trong năm Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc mời tham dự các cuộc họp liên quan đến các vấn đề trong hoạt động của Công ty.
 - Ban kiểm soát đã trình bày các ý kiến, quan điểm của mình và đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ghi nhận và xem xét
 - Ban kiểm soát chưa nhận được phản ánh cụ thể nào bằng văn bản của Cổ đông.
- Kiến nghị: Từ những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, Ban kiểm soát có những kiến nghị sau:
 - Tăng cường công tác quản trị rủi ro khi công ty mở rộng sản xuất kinh doanh nhất là về quản trị tài chính và giá nguyên liệu chính.
 - Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực đủ đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh.
 - Thực hiện tốt công tác công bố thông tin tới cổ đông, thực hiện tốt chế độ ưu đãi đối với công nhân viên có nhiều thành tích trong công tác để phát triển nhân tài.
 - Tăng cường công tác Marketing để phát triển hệ thống khách hàng tại các thị trường truyền thống và các thị trường tiềm năng khác.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017
Thù lao của Hội đồng quản trị	660.000.000	660.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	1.515.713.000	1.823.024.786
Tổng	2.439.713.000	2.747.024.786

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Ánh Dương	9.264.700	16,26%	0	0%	Bán cổ phiếu
2	Nguyễn Lê Trung	6.221.250	10,92%	1.700.000	2,03%	Bán/Mua cổ phiếu
3	Phạm Hoàng Việt	6.074.625	10,66%	0	0%	Bán cổ phiếu

3.3 Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
I	Doanh Thu bán hàng		
1	Công ty cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành	380.290.585.454	
2	Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	927.600.000	
3	Công ty cổ phần nhựa và khoáng sản An Phát- Yên Bái	240.223.376.136	57.051.035.182
II	Mua hàng hóa dịch vụ		
1	Công ty cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành	41.126.813.637	
2	Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	44.662.836.635	
3	Công ty cổ phần nhựa và khoáng sản An Phát- Yên Bái	97.859.919.922	46.166.289.028
III	Phải thu		
1	Công ty cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành	118.700.696.499	
2	Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín		

3	Công ty cổ phần nhựa và khoáng sản An Phát- Yên Bái	6.780.672.411,00	5.315.169.086
IV	Trả trước cho người bán		
1	Công ty cổ phần nhựa và khoáng sản An Phát- Yên Bái	12.391.635.271	1.271.234.275
V	Phải trả cho người bán		
1	Công ty cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành	1.922.714.951	
2	Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	4.537.888.170	
3	Công ty cổ phần nhựa và khoáng sản An Phát- Yên Bái	-	-

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện rất nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo quy định, đồng thời đã chỉ ra được rất nhiều hướng khắc phục rủi ro trong hoạt động.

VII. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý cổ đông và các bên liên quan!

Để phát triển bền vững, doanh nghiệp cần đảm bảo thực hiện các mục tiêu: hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; đóng góp cho các hoạt động cộng đồng, xã hội; và thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường. Để hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững, An Phát đã đặt ra các mục tiêu, định hướng cụ thể trong từng giai đoạn. Những năm qua, An Phát đặt mục tiêu trở thành doanh nghiệp bao bì nhựa hàng đầu châu Á. Công ty luôn đặt mục tiêu phát triển kinh tế gắn liền bảo vệ môi trường; đồng thời trở thành doanh nghiệp điển hình về trách nhiệm xã hội.

Với những định hướng, mục tiêu trên, năm 2017 An Phát đã đạt những thành tích đáng khích lệ. Doanh thu hợp nhất 2017 đạt 4.076,8 tỷ đồng, vượt kế hoạch 23,54%, tăng trưởng 90% so với kết quả năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 263,4 tỷ đồng, vượt kế hoạch 2017 20%, đồng thời tăng trưởng YoY đạt 85,3%. Đóng góp 64,43 tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước; tạo công ăn việc làm ổn định cho gần 2.000 lao động; đóng góp hơn 1 tỷ đồng cho hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện.

Với định hướng sản xuất xanh, gắn với bảo vệ môi trường, công ty đã đầu tư xây dựng nhà xưởng sạch đẹp, hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn 5S; đồng thời lắp đặt hệ thống xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn. Hơn thế nữa, công ty đã cho xây dựng các nhà máy chuyên sản xuất dòng sản phẩm túi tự hủy – túi thân thiện với môi trường. Công ty đang tiến hành nghiên cứu, đưa vào sản xuất hạt tự hủy – nguyên liệu để sản xuất túi tự hủy.

Trong giai đoạn tới, An Phát đặt mục tiêu trở thành tập đoàn đại chúng tiên phong trong ngành hóa nhựa Việt Nam. Công ty đã đưa ra kế hoạch kinh doanh cho năm 2018, doanh thu hợp nhất đạt 6.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 330 tỷ đồng. Công ty cố gắng phấn đấu đến năm 2025 đạt doanh thu 1 tỷ USD.

Năm 2018, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV tập đoàn An Phát sẽ phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đặt ra, đảm bảo lợi ích của cổ đông và các bên liên quan, đóng góp cho sự phát triển của xã hội, đồng thời thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.

Xin chân thành cảm ơn quý cổ đông và các bên liên quan!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM ÁNH DƯƠNG

2. Thông tin chung về báo cáo

Báo cáo tổng hợp và đưa ra các đánh giá liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững của An Phát trong năm 2017. Dựa trên tầm nhìn, chiến lược kinh doanh của công ty, báo cáo đưa ra các vấn đề cốt lõi của AAA có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội, và môi trường.

Cách thức xây dựng nội dung báo cáo: dựa theo hướng dẫn của Global Reporting Initiative, và quy chiếu chiến lược phát triển bền vững của công ty với 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc đến năm 2030.

Thời gian thực hiện báo cáo: 1/1/2017 – 31/12/2017

Thông tin doanh nghiệp:

- Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh: AAA chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu bao bì nhựa, đồng thời kinh doanh thương mại hạt nhựa.
- Quy mô doanh nghiệp: vốn điều lệ hiện tại của công ty là 835.999.880.000 đồng. Doanh thu năm 2017 đạt 4.076,8 tỷ đồng. Công ty hiện xuất khẩu các sản phẩm sang hầu hết các châu lục: châu Á, châu Âu, châu Mỹ, Úc và châu Phi.

3. Tổng quan về phát triển bền vững tại AAA

3.1. Các tác động của AAA liên quan đến phát triển bền vững

- Tác động đối với nền kinh tế:

AAA có mức tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận ổn định, đồng thời đảm bảo hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đóng góp cho Ngân sách nhà nước. AAA là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về sản phẩm bao bì tự hủy. Công ty luôn chú trọng, đầu tư vào hoạt động nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới, góp phần vào sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất bao bì và hạt nhựa.

- Tác động đối với xã hội:

AAA đã tạo nhiều việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hải Dương cũng như một số tỉnh thành khác, đem lại thu nhập ổn định cho người lao động. Đồng thời, AAA cũng tiến hành các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ công nhân viên.

Công ty đã tham gia nhiều hoạt động xã hội, giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng các công trình phục vụ cho sinh hoạt của người dân, ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai trên cả nước...

- Tác động đối với môi trường:

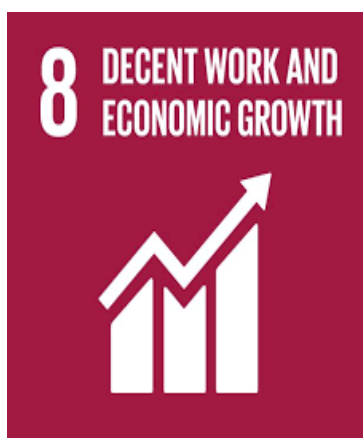
AAA hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa, vì vậy công ty rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, gắn với bảo vệ môi trường, AAA đã đầu tư quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Tại các nhà máy, An Phát đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tiên tiến bảo đảm tiêu chuẩn môi trường; đầu tư xây dựng nhà xưởng sạch đẹp với máy móc hiện đại, quy trình sản xuất khép kín, sạch sẽ, đảm bảo theo tiêu chuẩn 5S. Ngoài việc đầu tư xây dựng hệ thống nhà xưởng, trong khuôn viên của nhà máy, An Phát còn trồng nhiều cây xanh, vừa đảm bảo mỹ quan, vừa giảm thiểu ô nhiễm không khí. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo công ty cũng thường xuyên tuyên truyền về bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức, trách nhiệm giữ gìn môi trường Xanh - Sạch - Đẹp cho người lao động.

3.2. Định hướng phát triển bền vững của AAA

Các yếu tố đảm bảo sự phát triển bền vững của AAA

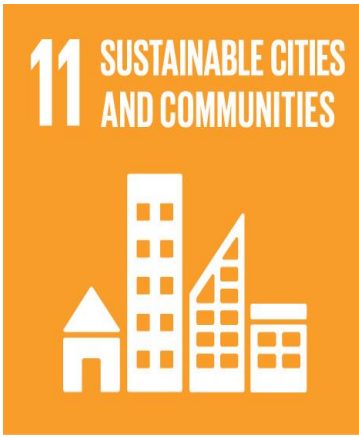
- Tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao uy tín công ty
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
- Tham gia các hoạt động cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội

Các định hướng và chiến lược phát triển bền vững của AAA theo các mục tiêu thế kỷ của Liên Hợp Quốc



Việc làm ổn định và tăng trưởng kinh tế:

- AAA thực hiện chính sách lao động trọn đời, đảm bảo việc làm ổn định cho tất cả nhân viên chính thức tại công ty.
- Đảm bảo phát triển, tăng trưởng ở lĩnh vực sản xuất bao bì plastic. Đồng thời, mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực mới: nhựa công nghệ cao, nhựa phun ép,...



Thành phố và cộng đồng bền vững:

- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng: trao tặng các công trình nước sạch tại huyện Thanh Hà, Ninh Giang; xây dựng căn nhà nhân ái cho các hộ nghèo, người già cô đơn, cựu thanh niên xung phong; tặng quà, cấp phát thuốc cho các nạn nhân nhiễm chất độc da cam; trợ cấp cho các mẹ Việt Nam anh hùng; trao quà cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn....



Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm:

- Hệ thống sản xuất hiện đại, tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.
- AAA có hệ thống tạo, đảm bảo tái chế lại các phế phẩm cũng như sản phẩm lỗi trong quá trình sản xuất.
- Thực hiện chủ trương tiết kiệm điện, tắt các thiết bị điện khi không cần thiết.



Hành động bảo vệ khí hậu:

- Thực hiện mục tiêu An Phát xanh – đẩy mạnh sản xuất túi tự hủy
- Xây dựng nhà xưởng sạch đẹp, máy móc hiện đại, quy trình sản xuất khép kín, đảm bảo tiêu chuẩn 5S.
- Trồng nhiều cây xanh, giảm thiểu ô nhiễm không khí
- Ban lãnh đạo AAA thường xuyên tuyên truyền về bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức, trách nhiệm giữ gìn môi trường Xanh - Sạch - Đẹp cho người lao động.



Hợp tác cho các mục tiêu:

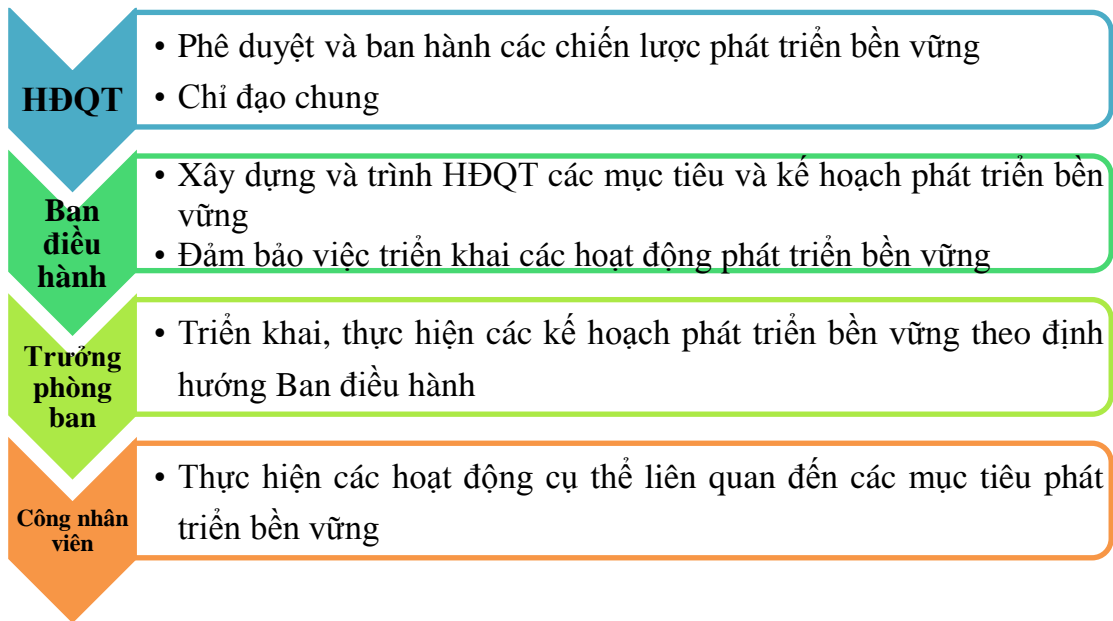
- AAA có mạng lưới khách hàng và nhà cung cấp rộng khắp trên thế giới. Công ty chủ động tìm kiếm thêm nhiều nhà cung cấp, khách hàng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các mục tiêu phát triển bền vững được đưa vào chiến lược phát triển bền vững của công ty:

Mục tiêu		Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> Phát triển nhanh, mạnh, lấy sản xuất bao bì tự hủy làm ngành chủ đạo Trở thành tập đoàn sản xuất nhựa hàng đầu châu Á. 	SD 8: Việc làm ổn định và tăng trưởng kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> Tăng trưởng ổn định doanh thu, lợi nhuận qua các năm. Mở rộng thị trường tiêu thụ. Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, tạo ra các sản phẩm mới giúp tăng doanh thu, lợi nhuận. Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Thường xuyên đào tạo, nâng cao năng lực làm việc của người lao động. Xây dựng môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.
	SD17: Hợp tác cho các mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường hợp tác với khách hàng, nhà cung cấp để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh Tích cực tìm kiếm các đối tác mới.
<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp điển hình về trách nhiệm xã hội 	SD 11: Thành phố và cộng đồng bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, giúp đỡ cộng đồng.
	SD 12: Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu và các nguồn năng lượng: điện, nước. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.
	SD 13: Hành động bảo vệ khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường. Tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động.

4. Gắn kết phát triển bền vững trong quản trị doanh nghiệp

Mô hình quản trị bền vững:



5. Gắn kết với các bên liên quan

Các bên liên quan là những bên có ảnh hưởng hoặc chịu ảnh hưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của AAA: Khách hàng, Cổ đông/ nhà đầu tư, Nhân viên, Nhà cung cấp, Cộng đồng, Cơ quan truyền thông.

5.1. Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan

AAA đã sử dụng những cách thức riêng, phù hợp với từng bên liên quan, để đảm bảo cung cấp các thông tin mà các bên quan tâm một cách nhanh chóng, đầy đủ, chính xác.

Các bên liên quan	Kênh truyền thông/ gặp gỡ	Tần suất
Khách hàng	Nhân viên phòng bán hàng quốc tế	Thường xuyên
	Nhân viên chăm sóc khách hàng	Thường xuyên
	Website	Thường xuyên
	Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng	Thường xuyên
	Đến làm việc tại Công ty	Khi có yêu cầu
Cổ đông và nhà đầu tư	Đại hội đồng cổ đông thường niên	1 lần/ 1 năm
	Gặp gỡ trực tiếp và theo yêu cầu	Khi có yêu cầu/ có sự kiện

	Hội nghị/ hội thảo gặp gỡ nhà đầu tư	Nhiều lần/ năm
	Website	Thường xuyên
	Email, điện thoại	Khi có yêu cầu
Nhân viên	Truyền thông nội bộ	Thường xuyên
	Các chương trình đào tạo nội bộ	Thường xuyên
	Các hoạt động nội bộ về thể thao, văn nghệ, tổng kết năm	Thường xuyên
	Các kênh truyền thông, mạng xã hội	Thường xuyên
Nhà cung cấp	Nhân viên phòng mua hàng	Thường xuyên
	Tài liệu giới thiệu	Thường xuyên
	Các kênh truyền thông khác	Thường xuyên
Cộng đồng	Website công ty	Thường xuyên
	Các hoạt động xã hội, từ thiện	Khi có sự kiện
	Các phương tiện truyền thông	Thường xuyên
Cơ quan truyền thông	Website	Thường xuyên
	Trả lời phỏng vấn, họp báo	Khi có yêu cầu, sự kiện
	Email, mạng xã hội facebook	Thường xuyên

5.2. Mối quan tâm của các bên liên quan

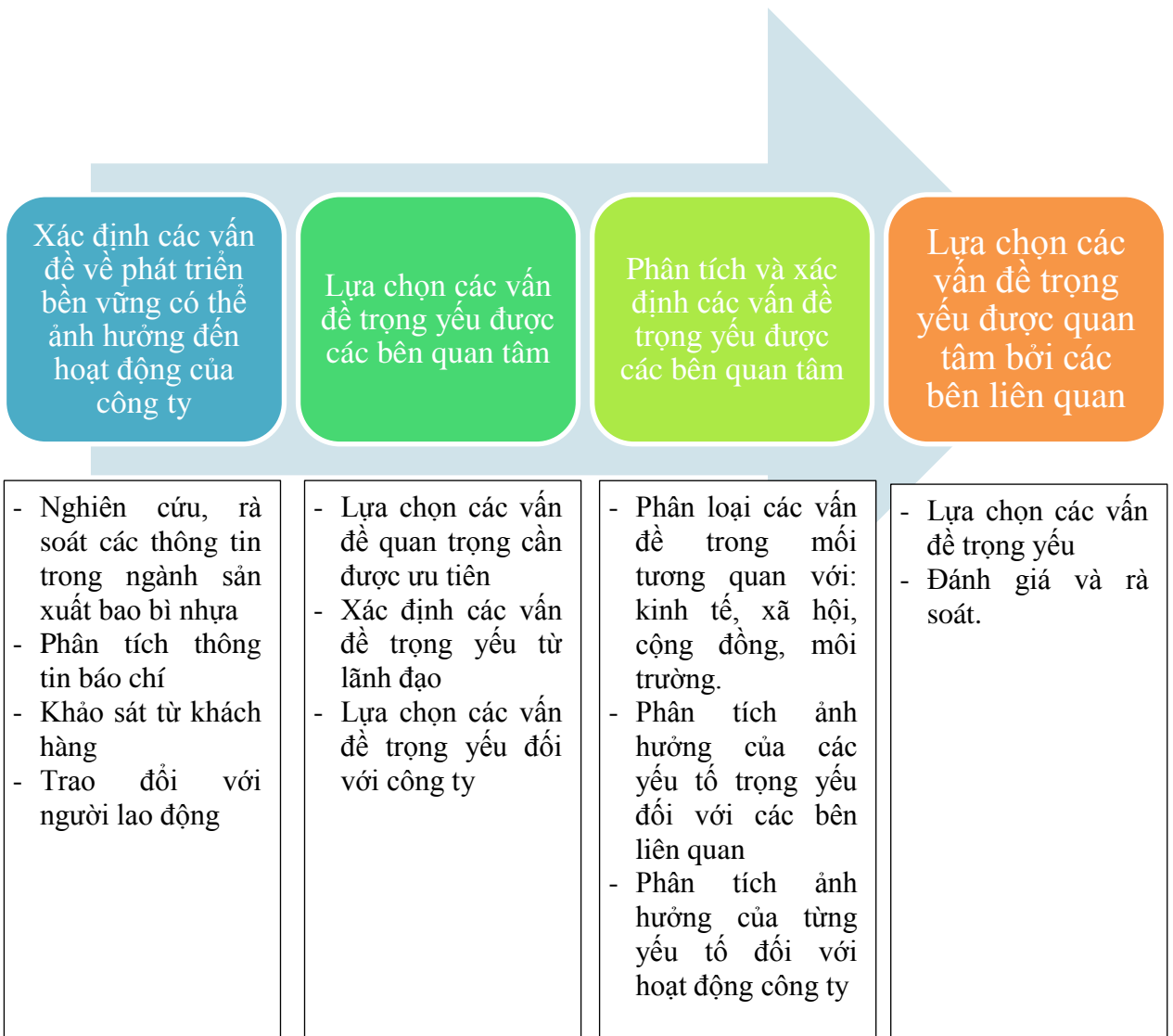
Các bên liên quan	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của AAA
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Chất lượng sản phẩm, khả năng đáp ứng yêu cầu khách hàng. Thời gian giao hàng đúng hạn. Thái độ phục vụ của nhân viên phòng bán hàng . 	<ul style="list-style-type: none"> Sản xuất theo đơn đặt hàng cụ thể của từng khách hàng. Có kế hoạch sản xuất cụ thể, đảm bảo thời gian giao hàng. Xây dựng và áp dụng chuẩn mực làm việc, ứng xử với khách.
Cổ đông và Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tính minh bạch, trung thực 	<ul style="list-style-type: none"> Công bố các báo cáo hàng tháng, hàng quý . Công bố các thông tin của công

	<p>trong việc công bố thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biến động cổ phiếu của công ty. • Quyền lợi của cổ đông. 	<p>ty một cách minh bạch, công khai, đúng thời hạn quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi trả cổ tức đều đặn cho cổ đông. • Đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông.
Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> • Được đảm bảo các quyền lợi chính đáng: lương thưởng, chế độ phúc lợi. • Cơ hội đào tạo và phát triển, thăng tiến. • Môi trường làm việc thân thiện, sáng tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> • Chính sách làm việc trọn đời. • Xây dựng hệ thống thang bảng lương hợp lý theo quy định pháp luật. • Thực hiện các chế độ phúc lợi, bảo hiểm theo quy định. • Tổ chức các chương trình đào tạo cho CBCNV để nâng cao trình độ, tay nghề. • Xây dựng môi trường làm việc năng động, hiện đại, đảm bảo cho người lao động phát huy khả năng của mình.
Nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> • Quy trình lựa chọn nhà cung cấp. • Vấn đề thanh toán. • Minh bạch thông tin, đảm bảo công bằng cho các nhà cung cấp. • Xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài, 2 bên cùng có lợi. 	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng các tiêu chuẩn để lựa chọn các nhà cung cấp phù hợp cho từng loại nguyên vật liệu. • Thường xuyên đánh giá năng lực, chất lượng của nhà cung cấp. • Thống nhất quy trình thanh toán trước khi ký hợp đồng. • Thiết lập việc trao đổi thông tin hai chiều giữa Công ty và nhà cung cấp.
Cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> • Các hoạt động từ thiện, hỗ 	<ul style="list-style-type: none"> • Thành lập quỹ học bổng An

<p>trợ cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các hoạt động góp phần bảo vệ môi trường. 	<p>Phát, trao học bổng cho những học sinh, giáo viên có hoàn cảnh khó khăn đạt thành tích xuất sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thường xuyên tham gia các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa... • Xây dựng, thực hiện mục tiêu An Phát xanh – sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường
<p>Cơ quan truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thông tin về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh • Các nhận định về thị trường, các chia sẻ của lãnh đạo công ty 	<ul style="list-style-type: none"> • Công bố báo cáo hoạt động từng tháng, quý trên website công ty. • Các hoạt động khác của công ty cũng được cập nhật liên tục trên website. • Trả lời các câu hỏi, thắc mắc của báo chí.

6. Xác định các lĩnh vực trọng yếu

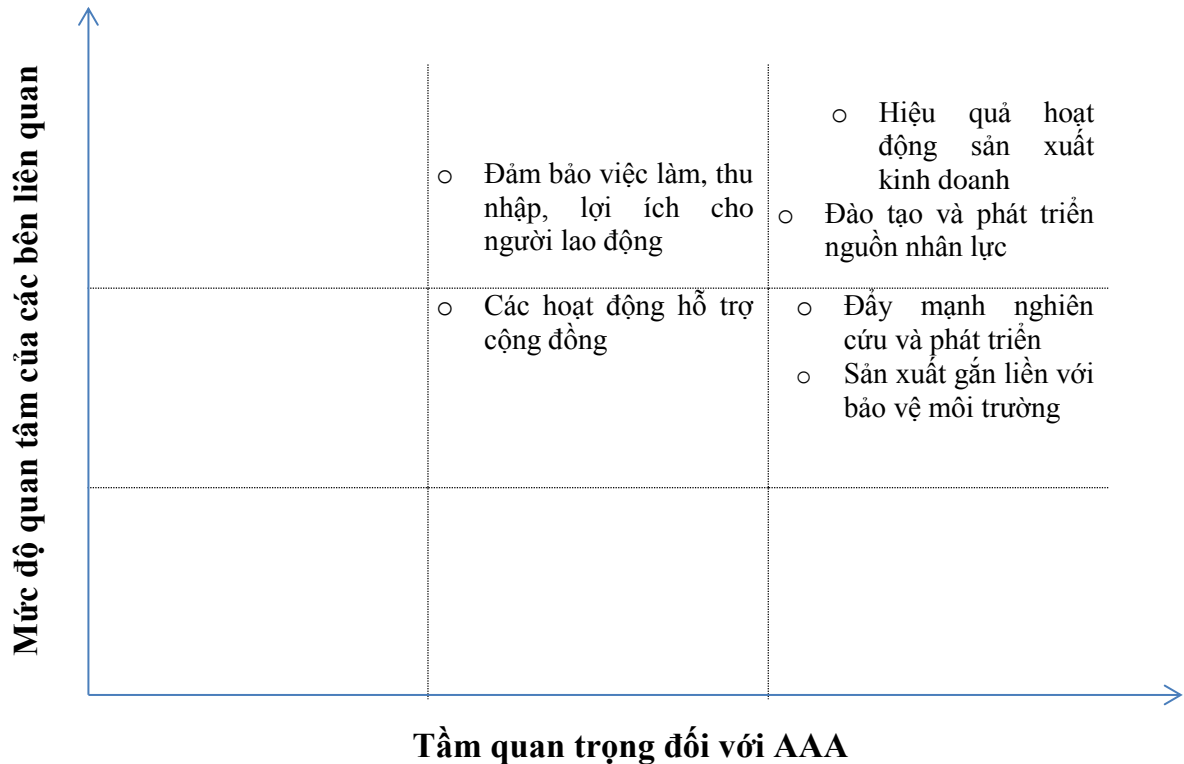
6.1. Quy trình xác định các vấn đề trọng yếu



6.2. Phân loại các vấn đề trọng yếu trong mối quan hệ tương quan với các yếu tố

Các yếu tố	Các vấn đề trọng yếu
Kinh tế	Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh
	Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển
Xã hội	Đảm bảo việc làm, thu nhập, lợi ích cho người lao động
	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
Cộng đồng	Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng
Môi trường	Sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường

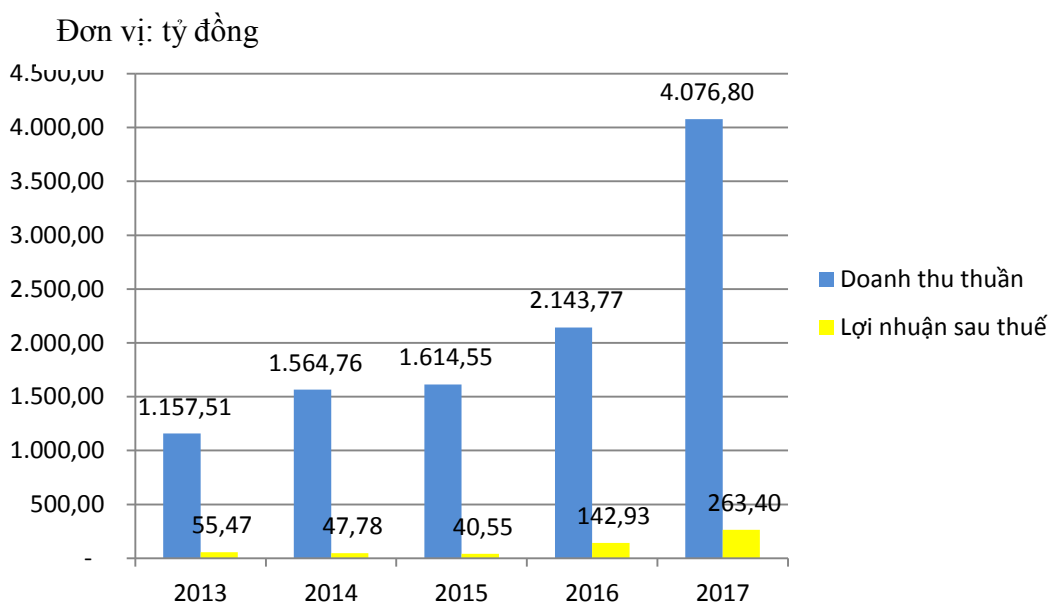
6.3. Ma trận các vấn đề trọng yếu



7. Báo cáo hoạt động phát triển bền vững năm 2017

7.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

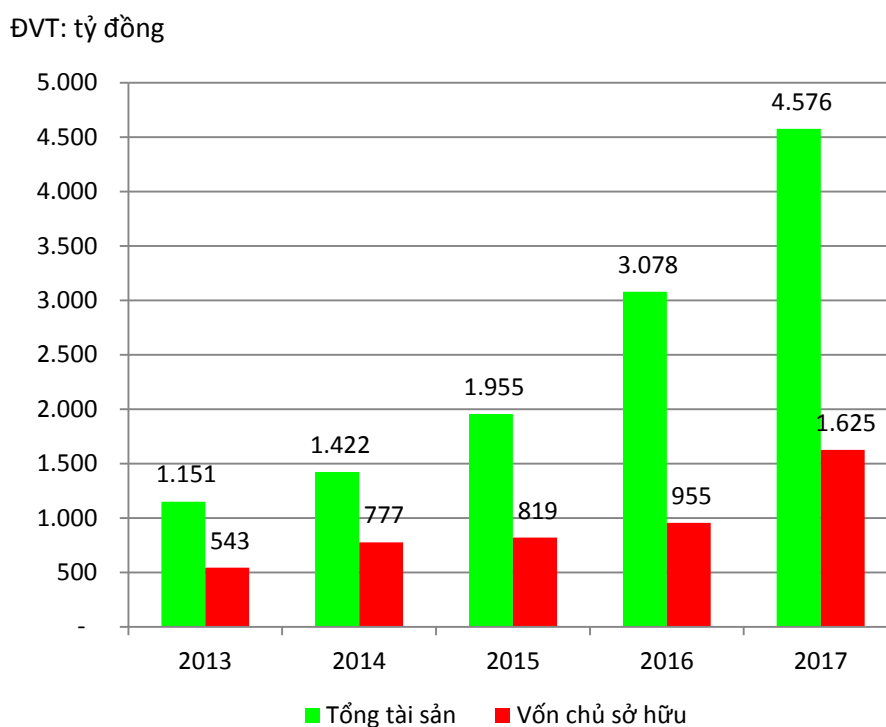
Chiến lược phát triển bền vững của công ty chỉ có thể được thực hiện khi công ty đảm bảo được nguồn lực tài chính, có hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng liên tục qua các năm. Trải qua 15 năm phát triển, AAA đạt được những kết quả ấn tượng về doanh thu, lợi nhuận.



Kết quả kinh doanh giai đoạn 2013 – 2017

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất AAA)

Năm 2017, doanh thu hợp nhất AAA đạt 4.076,8 tỷ đồng, tăng 90% so với năm 2016, đồng thời vượt 23,54% so với kế hoạch đặt ra cho năm 2017. Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 2017 gần 20%, đạt mức 263,4 tỷ đồng.



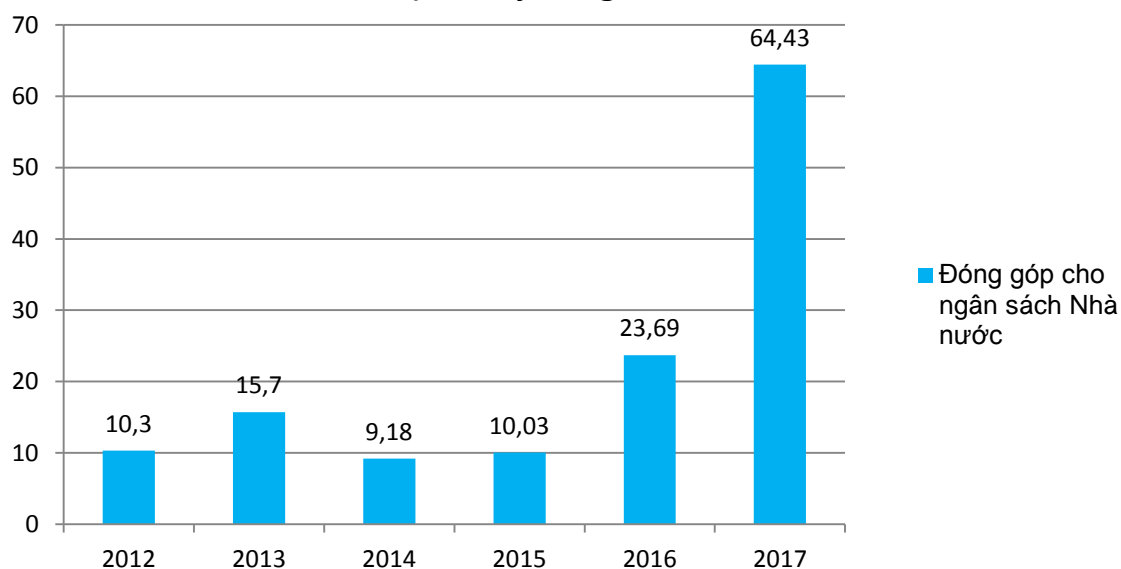
Tài sản và vốn chủ sở hữu giai đoạn 2013 – 2017

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất AAA)

Năm 2017, với việc đưa vào hoạt động nhà máy số 6 và nhà máy số 7, tổng tài sản của công ty tăng mạnh so với năm 2016, tăng trưởng YoY đạt 48,7%. Vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng 670 tỷ so với năm 2016, tương ứng tăng 70,2% số vốn chủ sở hữu năm 2016.

Đóng góp cho ngân sách Nhà nước của AAA

Đơn vị tính: tỷ đồng



7.2. Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa, nhận thức rõ vấn đề bảo vệ môi trường, nắm bắt nhu cầu của thế giới, AAA đã nghiên cứu và sản xuất thành công sản phẩm bao bì nhựa tự hủy – một sản phẩm vẫn có tất cả các đặc tính của túi nilon thông thường nhưng có khả năng tự phân hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm sẽ được phân hủy thành những phần tử nhỏ hòa vào trong đất, hoàn toàn không độc hại với con người và môi trường xung quanh, sản phẩm này hiện nay đang dần dần được các nước tiên tiến sử dụng để thay thế túi nilon thông thường. Sản phẩm túi nilon tự hủy của doanh nghiệp đã được các khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao về chất lượng, tính năng, công dụng và đặc biệt đó là sự đột phá trong công tác bảo vệ môi trường mà người tiêu dùng tiên tiến đang quan tâm.

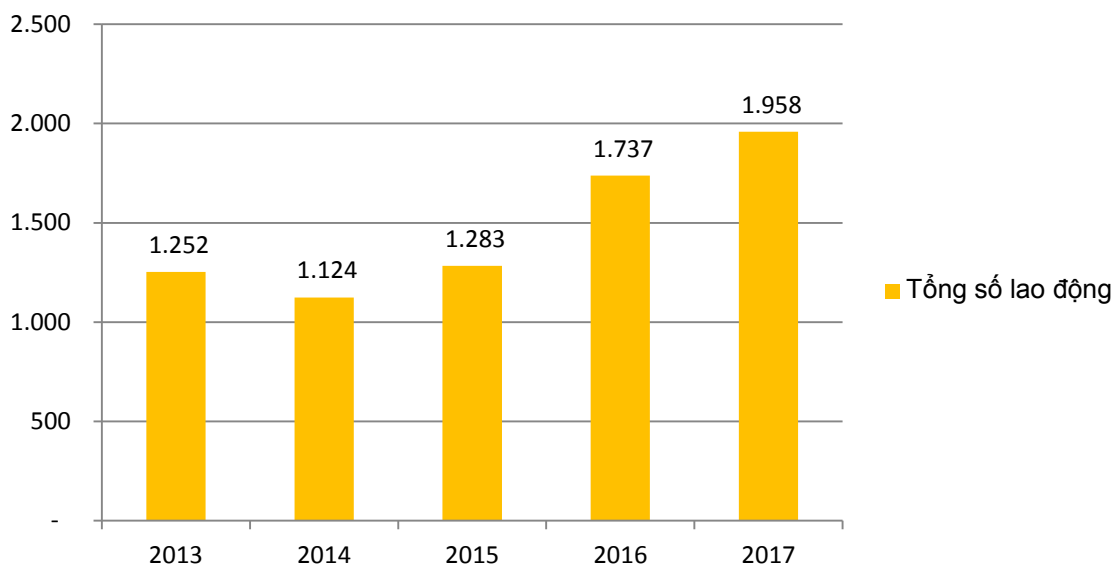
Nhận thấy nhu cầu hạt tự hủy dùng cho sản xuất túi nilon tự hủy trên thị trường còn khan hiếm, ít nhà cung cấp, Công ty quyết định trong những năm tới sẽ đầu tư cho hoạt động nghiên cứu phát triển để chế tạo, sản xuất hạt tự hủy, cung cấp cho nhu cầu trong nước và quốc tế.

7.3. Đảm bảo việc làm ổn định, thu nhập và các lợi ích khác cho người lao động

Công ty tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động trên địa bàn tỉnh Hải Dương cũng như các tỉnh thành khác. Tính đến cuối năm 2017, tổng số lao động của công ty là 1.958 lao động, tăng 12,7% so với năm 2016.

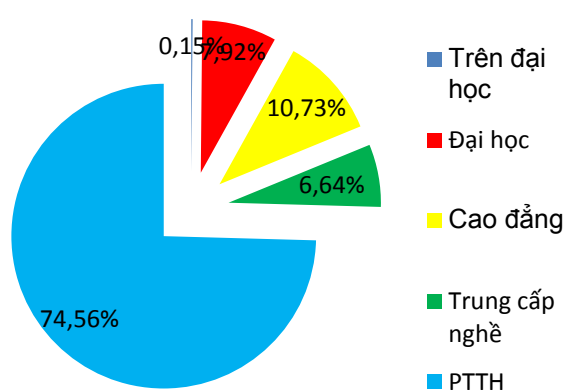
Số lượng lao động giai đoạn 2013 – 2017

Nguồn nhân lực giai đoạn 2013 - 2017

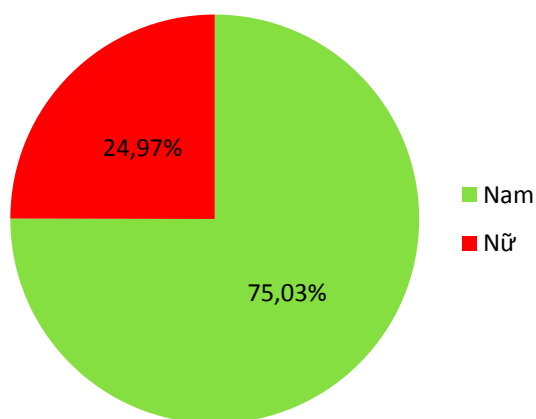


Cơ cấu nguồn nhân lực theo trình độ và theo giới tính năm 2017

Cơ cấu lao động theo trình độ 2017

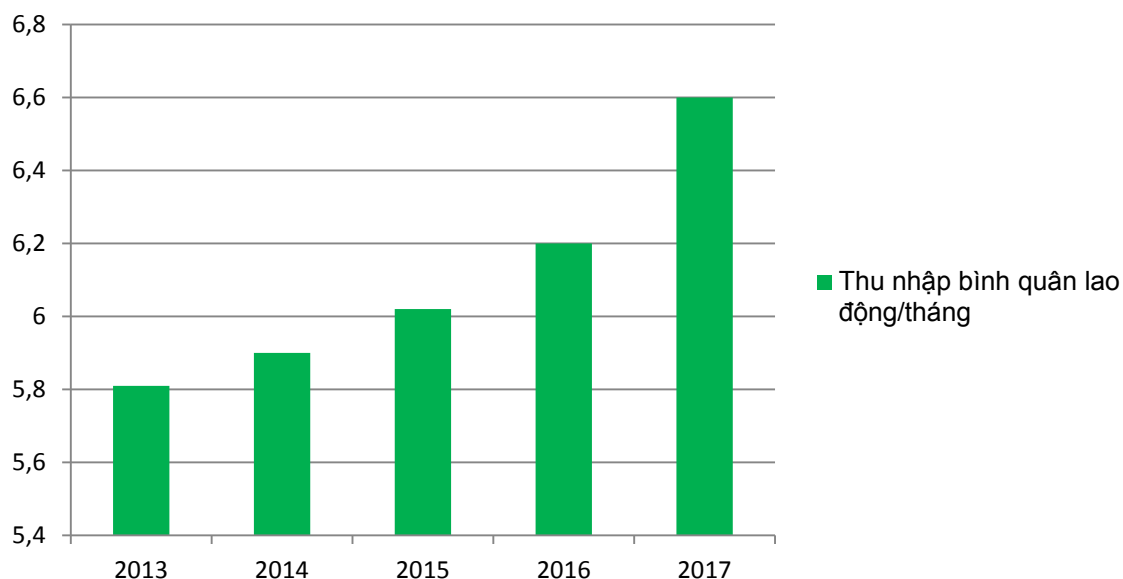


Cơ cấu lao động theo giới tính tính 2017



Thu nhập của người lao động được cải thiện qua các năm:

Thu nhập bình quân lao động/tháng (triệu đồng)



Nhận thức được vai trò quan trọng của người lao động, AAA luôn ghi nhận và hiện thực hóa những nỗ lực và đóng góp của CBCNV vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của công ty. AAA luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về sử dụng lao động và đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động. Quyền lợi của người lao động cũng được cụ thể hóa qua các chế độ, chính sách của công ty. AAA luôn luôn chú trọng đến chính sách đãi ngộ, quan tâm đến đời sống của CBCNV. Chế độ đãi ngộ của công ty được chia thành 4 phần:

- Lương: lương do hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chế độ hỗ trợ: đi lại, cước điện thoại, đi làm việc dài ngày tại nước ngoài.
- Thưởng: theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, khi hoàn thành xuất sắc các kế hoạch đề ra.
- Phúc lợi: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Chế độ phúc lợi: Bên cạnh các chế độ phúc lợi chung theo quy định của Pháp luật, Công ty còn có các chế độ phúc lợi khác với mục đích chăm sóc toàn diện người lao động, cụ thể như sau:

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát luôn tổ chức khám sức khỏe CBCNV định kỳ 1-2 lần/ năm, hoàn thiện các thủ tục BHXH cho cán bộ, công nhân viên công ty, bảo đảm 100% người lao động làm việc lâu dài tại công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước. AAA luôn xác định vấn đề sức khỏe và an toàn lao động là mục tiêu quan trọng chung của toàn hệ thống Công ty từ Ban giám đốc tới các cấp quản lý đến

Công nhân. Công ty luôn áp dụng các chính sách phù hợp với thực tế để đảm bảo chính sách về sức khỏe và an toàn lao động và phúc lợi thực sự có ích cho người lao động. Công ty sẽ cập nhật và thu thập những thông tin mới nhất về các mối nguy hại tiềm ẩn có thể có trong nguyên liệu, trang thiết bị trong Công ty. Những thông tin này sẽ được hợp pháp hóa và thông báo công khai cho người lao động. Công ty sẽ hạn chế hoặc có những giám sát đặc biệt khi bắt buộc phải sử dụng các chất có tiềm ẩn các mối nguy hại tới sức khỏe của người lao động. Công ty sẽ đảm bảo sự duy trì kiểm soát các nhà máy, hệ thống máy móc, trang thiết bị kỹ thuật một cách an toàn và giảm thiểu rủi ro cho người lao động. Công ty sẽ triển khai chương trình quản lý rủi ro có thể có và thông báo tới toàn thể CBCNV.

- Tổ chức các chương trình vui chơi giải trí, du lịch cho CBCNV: Công ty luôn chăm lo tới đời sống anh em CBCNV Công ty. Hàng năm Công ty đều tổ chức nhiều chương trình vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cho CBCNV công ty như: các giải bóng đá phong trào giữa các đơn vị sản xuất của công ty, tổ chức nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên dịp 30/4, 1/5 và 2/9, tổ chức sinh nhật cho tập thể CBCNV, tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ khi bản thân hoặc gia đình CBCNV công ty bị ốm đau, hiếu, hi... Công ty cũng có khu nhà nội trú cho cán bộ công nhân viên. Nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (27/9/2002 – 27/9/2017), Công đoàn công ty đã tổ chức Giải bóng đá tranh cúp An Phát năm 2017. Giải đấu bóng đá diễn ra từ tháng 10/2017 đến tháng 1/2018. Ngoài hoạt động này, Công ty còn khởi động các hoạt động văn hóa văn nghệ khác để kỷ niệm 15 năm ngày thành lập công ty: hội trại, tham gia các trò chơi trong khuôn khổ hội thao, và thưởng thức các tiết mục văn nghệ đặc sắc.

7.4. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thế giới, cũng như bắt kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ, công ty đã đầu tư vào hoạt động đào tạo cho CBCNV. Ban đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đã xây dựng bộ giáo trình đào tạo cho người lao động, bao gồm các quy trình cho từng công đoạn sản xuất. Tất cả các lao động trong các nhà máy sản xuất đều được trải qua quá trình đào tạo ban đầu trước khi vào sản xuất thực tế. Trong thời gian làm việc, người lao động tiếp tục được đào tạo, kiểm tra để có thể nâng cao trình độ tay nghề, nâng cấp bậc. Đối với nhân viên, công ty mời những giáo sư nổi tiếng trong lĩnh vực bao bì nhựa đào tạo cho đội ngũ

nhân viên nghiên cứu và phát triển, cũng như đội ngũ lãnh đạo nhà máy. Ngoài ra, CBCNV công ty còn được cử đi công tác tại các nước tiên tiến trong lĩnh vực bao bì nhựa để học hỏi kinh nghiệm, cũng như nâng cao hiểu biết về ngành nghề, công việc của mình.

Một số chỉ tiêu đào tạo trong năm 2017:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị năm 2017
Số lượt đào tạo	Lượt	78
Số giờ đào tạo	Giờ	3120
Số lượt đào tạo/ người	Lượt/ người	1
Số giờ đào tạo/ người	Giờ/ người	40

Ngoài các hoạt động đào tạo, công ty còn thực hiện các chính sách, hoạt động nhằm thu hút, bồi dưỡng nhân tài. Công ty liên kết với trường Đại học Bách khoa Hà Nội, triển khai chương trình thực tập cho các sinh viên, nhằm tuyển chọn những sinh viên xuất sắc cho các bộ phận/ phòng ban của công ty.

Công ty đã xây dựng được văn hóa 9G cho toàn thể CBCNV:

- **Gia đình:** người quản lý đảm bảo thực hiện các yêu cầu:
 - + Có tinh thần đoàn kết, hợp tác giữa các bộ phận trong cùng công ty
 - + Chăm lo đến điều kiện làm việc, đời sống tinh thần của anh em trong bộ phận
 - + Thể hiện sự yêu thương, đùm bọc, hết lòng vì anh em mình quản lý.
- **Giữ tín:** người quản lý, lãnh đạo phải luôn đặt chữ Tín lên hàng đầu.
 - + Giữ lời hứa của mình với cấp dưới, khi đã hứa thì sẽ thực hiện đúng
 - + Khi đã nhận nhiệm vụ cho bộ phận của mình, bằng mọi giá đôn đốc anh em, triển khai thực hiện các nhiệm vụ đó.
- **Gương mẫu:** người quản lý cần:
 - + Đảm bảo có lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực;
 - + Tôn trọng và thực hiện nghiêm túc mọi quy định của công ty;
 - + Là người đi đầu trong việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao phó;
 - + Nhắc nhở, đốc thúc anh em thực hiện nhiệm vụ, các nội quy, quy định của công ty
 - + Thẳng thắn trong việc làm, trong xử lý các tình huống phát sinh tại bộ phận, đơn vị
- **Gánh vác:** người quản lý phải thực hiện nhiệm vụ tại bộ phận của mình như sau:
 - + Là người chịu trách nhiệm chính tại đơn vị, bộ phận mình quản lý
 - + Có phân công, định hướng công việc cho đơn vị, bộ phận mình

- + Xây dựng được mục tiêu cho đơn vị, bộ phận mình
- + Nói rõ mong muốn của mình với cấp dưới, nhân viên
- **Gần gũi:** Người quản lý phải thực sự gần gũi với nhân viên cấp dưới của mình bằng những hành động cụ thể sau
 - + Thể hiện thái độ quan tâm, ân cần, thường xuyên hỏi thăm, động viên cấp dưới, nhân viên của mình
 - + Không dùng lời lẽ nặng nề mang tính xúc phạm cấp dưới, nhân viên của mình khi họ có vi phạm
 - + Gần gũi truyền cảm hứng làm việc cho cấp dưới, nhân viên của mình
 - + Lắng nghe những đề xuất, kiến nghị của cấp dưới, nhân viên của mình
- **Gọi mở:** người quản lý phải gọi mở đề:
 - + Lấy được ý kiến sáng tạo của nhân viên
 - + Tạo cơ hội phát triển cho cấp dưới, nhân viên của mình
- **Giúp đỡ:** Người quản lý, lãnh đạo phải quan tâm, giúp đỡ đến nhân viên cấp dưới của mình:
 - + Biết hỗ trợ kịp thời khi cấp dưới, nhân viên gặp khó khăn trong công việc.
 - + Biết san sẻ những khúc mắc, những khó khăn trong công việc với nhân viên.
 - + Thể hiện sự độ lượng, bao dung và tha thứ cho những vi phạm (được phép) của cấp dưới, của nhân viên.
- **Giáo dục:** Người quản lý, lãnh đạo phải thường xuyên đào tạo, giáo dục nhân viên cấp dưới của mình
 - + Chia sẻ kinh nghiệm làm việc cho nhân viên cấp dưới.
 - + Luôn thực hiện đào tạo nhân viên, bổ túc kiến thức cho họ về chuyên môn, nghiệp vụ
 - + Tạo cơ hội cho họ được đào tạo ở trong và ngoài công ty.
- **Giám sát:** Người quản lý, lãnh đạo phải thực hiện giám sát công việc của cấp dưới qua
 - + Thường xuyên đánh giá công việc, đánh giá nhân viên.
 - + Thực hiện kiểm tra giám sát một cách công bằng và có hệ thống.

7.5. Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng

Với mục tiêu hướng tới hình ảnh “Công ty Xanh thân thiện với môi trường – Doanh nghiệp điển hình về thực hiện trách nhiệm xã hội”, Công ty An Phát đã có

những hoạt động cộng đồng có ý nghĩa, tiêu biểu như: Tham gia chương trình “Nhịp điệu tháng 3” do Trung ương đoàn tổ chức tại Công ty vào tháng 3 năm 2009; Thực hiện tài trợ cho đội tuyển Robocom TNT – Đại học Bách Khoa Hà Nội tham dự cuộc thi Robocon Việt Nam năm 2009; Đội tuyển do Công ty tài trợ đã lọt vào vòng chung kết của cuộc thi diễn ra tại Thành phố Huế; Tham gia chương trình “Tuổi trẻ nói không với Ma túy” do Đoàn thanh niên Cộng sản tỉnh Hải Dương phát động; Tham gia ủng hộ từ thiện như: ủng hộ đồng bào miền Trung – Tây nguyên chịu ảnh hưởng lũ lụt năm 2009, ủng hộ hàng năm cho quỹ Vì người nghèo huyện Nam Sách số tiền là 500 triệu đồng, ủng hộ nhân dân Nhật Bản bị ảnh hưởng của động đất và sóng thần; Phát động và thực hiện chương trình “Nắng xuân về Bản” trong tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, bằng việc vận động ủng hộ quần áo, sách vở, đồ ăn cho đồng bào Mù Cang Chải năm 2009; Tham gia chương trình Xây dựng Nhà Đại Đoàn kết tại huyện Nam Sách năm 2010 với việc trao tặng 02 căn nhà tình nghĩa cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn của huyện.

Tham gia chương trình “Mái ấm Công Đoàn” do BCH Công đoàn các khu CN tỉnh Hải Dương phát động với việc trao tặng nhà cho chị Bùi Thị Đào – Công nhân có hoàn cảnh khó khăn của Công ty.

Tham gia hưởng ứng chương trình xây dựng các Công trình nước sạch tại địa bàn tỉnh Hải Dương do Tỉnh đoàn Hải Dương phát động bằng việc trao tặng 03 công trình nước sạch tại huyện Thanh Hà, Ninh Giang; Công ty phối hợp cùng Tỉnh đoàn Hải Dương tổ chức Ngày hội Việc làm cho người lao động trong tỉnh với nhiều hoạt động thiết thực nhằm tìm kiếm việc làm và thu hút người lao động tới doanh nghiệp; Công ty đã phối hợp cùng UBND huyện Nam Sách thành lập Quỹ hỗ trợ tài năng trẻ An Phát với kinh phí hàng năm là 100 triệu đồng – trao nhiều suất học bổng cho các em học sinh có thành tích tốt trong học tập.

Công ty đã phối hợp cùng kênh VTV6 Đài truyền hình Việt Nam thực hiện chương trình “Thanh niên lập nghiệp” năm 2009, 2010. Theo nguyện vọng và sự nhất trí của cán bộ công nhân viên công ty, Công ty đã thành lập Quỹ từ thiện An Phát với số tiền huy động từ đóng góp của cán bộ công nhân viên. Số tiền thu được của Quỹ này sẽ được dùng để tặng cho các em nhỏ hiếu học có hoàn cảnh khó khăn, các cụ già neo đơn không nơi nương tựa, các Hội người nghèo.... năm 2007, 2008, công ty đều

tham gia ủng hộ Quỹ vì người nghèo của huyện Nam Sách số tiền 10.000.000 đồng/năm, ủng hộ quỹ Hội người mù của huyện 3.000.000 đồng/năm.

Nhân dịp khởi công dự án Nhà máy sản xuất CaCO_3 tại Yên Bái, Công ty đã phối hợp với Tỉnh đoàn Yên Bái và ngân hàng BIDV chi nhánh Yên Bái thực hiện chương trình bán đấu giá các trang phục được làm từ sản phẩm tái chế của thanh niên An Phát thu hơn 45.000.000 đồng ủng hộ Quỹ vì người nghèo của tỉnh Yên Bái.

Nhân dịp Tết Tân Mão 2011, hưởng ứng đợt phát động phong trào của Hội đồng Nhân Dân, Ủy Ban nhân dân huyện Nam Sách. Công ty đã ủng hộ với số tiền 50.000.000 đồng trong dịp bắn pháo hoa mừng Đảng, mừng xuân mới. Công ty phối hợp với Ban thường vụ huyện Đoàn Nam Sách, trao 05 suất quà cho cựu thanh niên xung phong, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn toàn huyện, mỗi suất quà trị giá 250.000 đồng.

Trong năm 2011, Công ty đã ủng hộ xây dựng 10 căn nhà nhân ái cho hộ nghèo, người già cô đơn, cựu thanh niên xung phong,... với số tiền là 130.000.000 đồng. Hỗ trợ toàn bộ chi phí khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho toàn bộ các nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin tại huyện Ninh Giang với số tiền là 15.000.000 đồng. Cùng với 3 DN khác trên địa bàn tỉnh tặng quà, cấp phát thuốc miễn phí cho các nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin cho toàn tỉnh Hải Dương với số tiền là: 20.000.000 đồng. Phối hợp với huyện Đoàn Nam Sách, ủng hộ 10 suất quà cho các cháu học sinh nghèo vượt khó và các hộ nghèo trên địa bàn huyện Nam sách với số tiền là 3.000.000 đồng.

Công ty trích lợi nhuận hàng năm thành lập Quỹ hỗ trợ và phát triển tài năng giáo dục An Phát, kinh phí 100.000.000 đồng/ năm, giành trao phần thưởng cho các thầy và trò của huyện Nam Sách đạt thành tích cao trong giảng dạy và học tập.

Năm 2016, An Phát đã quyên góp 10.000 USD cho các nạn nhân chịu ảnh hưởng bởi động đất ở Nhật Bản, ủng hộ 600.000.000 đồng để xây dựng trường mầm non tại huyện Nậm Pồ – tỉnh Điện Biên, trao quà cho các gia đình cán bộ công nhân viên công ty có hoàn cảnh khó khăn với tổng giá trị hơn 100.000.000 đồng, ủng hộ quỹ khuyến học huyện Nam Sách 100.000.000 đồng, trao 30.000.000 đồng ủng hộ các nạn nhân bị ảnh hưởng của bão lũ miền Trung thông qua Ủy Ban mặt trận Tổ quốc tỉnh Hải Dương.

Hàng năm, nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đất nước, công ty đều có những phần quà giành tặng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình thương bệnh binh, người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hải Dương và cả nước. Trong dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7 công ty đã trao các suất quà trị giá 63.000.000 đồng cho Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin Hải Dương; Trao quà cho Trung tâm bảo trợ tỉnh Hải Dương trị giá 50.000.000 đồng; Trao quà cho Hội người mù huyện Nam Sách trị giá 63.000.000 đồng; Trao quà trị giá 62.300.000 đồng cho các bệnh nhân khoa ung bướu Bệnh viện Việt Đức,... cùng nhiều hoạt động xã hội có ý nghĩa khác.

Ngày 16/08/2017, tại Trung tâm Hội nghị huyện Nam Sách đã diễn ra Hội nghị tổng kết năm học 2016 - 2017 và triển khai kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2017 - 2018 của huyện Nam Sách. Tại Hội nghị, thay mặt Công ty Cổ phần Nhựa & Môi trường xanh An Phát, Bà Trần Thị Thoản – Phó Tổng giám đốc đã trao các phần thưởng từ Quỹ hỗ trợ Tài năng Giáo dục An Phát cho thầy và trò có thành tích được tuyên dương. Quỹ hỗ trợ Tài năng Giáo dục An Phát do Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát sáng lập với kinh phí hàng năm là 100.000.000 đồng. Quỹ trao phần thưởng cho các em học sinh và giáo viên có thành tích cao trong năm học như: đạt học sinh giỏi các cấp, giành giải thưởng trong các kỳ thi học sinh giỏi của hệ thống giáo dục Việt Nam, các thầy cô là giáo viên xuất sắc trong năm học... Đây là một trong những hoạt động thường niên của An Phát nằm trong mục tiêu xây dựng Công ty trở thành “Doanh nghiệp điển hình về thực hiện trách nhiệm xã hội”

Phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái “Lá lành đùm lá rách” với tinh thần “Nhường cơm sẻ áo”, hưởng ứng lời kêu gọi của Tỉnh ủy – HĐND – UBND – UB MTTQ Việt Nam tỉnh Hải Dương, chiều ngày 21/09/2017, đồng chí Nguyễn Thị Huyền – Trưởng ban Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực đại diện cho Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát trao tặng số tiền 30.000.000 đồng để ủng hộ đồng bào miền Trung thiệt hại do cơn bão số 10. Đây là một trong những nghĩa cử cao đẹp, thể hiện một cách sâu sắc tinh thần tương thân tương ái đối với đồng bào. Thông qua hành động lần này, Ban lãnh đạo Công ty An Phát hi vọng được chung tay góp sức tiếp thêm niềm tin cho bà con miền Trung đứng lên sau lũ, sớm khắc phục hậu quả thiên tai, dần khôi phục sản xuất và ổn định cuộc sống.

Ngày 5/11/2017, AAA phối hợp với Trung ương hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tổ chức chương trình “Ngày chủ nhật cho em” tại Bệnh viện Đa khoa huyện Nam Sách, Hải Dương. Tại chương trình, ban tổ chức đã trao 5 phần quà cho 5 bé có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đồng thời, trao gần 100 suất quà cho các bé đang điều trị tại bệnh viện, bao gồm sữa, bánh, tập vở... Đồng hành cùng với “ Ngày chủ nhật cho em”, An Phát mong rằng những hoạt động nhỏ trong chương trình phần nào giúp cho các em tạm quên đi đau đớn, tiếp thêm nghị lực để vượt qua bệnh tật, mau chóng phục hồi sức khoẻ để trở về với gia đình, xã hội, tiếp tục sống và thực hiện những ước mơ của mình.

7.6. Sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường

Quản lý nguồn nguyên liệu

a) Tổng lượng nguyên liệu vật liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng sử dụng năm 2016	Số lượng sử dụng năm 2017
1	Hạt nhựa	Tấn	53.802	78.945,85
2	Mực in	Tấn	110	142,83
3	Dung môi	Tấn	3.932	5.932
4	Hộp carton	Nghìn hộp	9.288,99	16.354,76
5	Tem dán	Chiếc	30.797,65	61.697,89
6	Lõi giấy	Nghìn chiếc	27.554,42	36.734,25

Năm 2017, với việc đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất số 6 và nhà máy 7, sản lượng sản xuất tăng mạnh so với năm 2016. Do đó, tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất tăng theo.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế và được sử dụng để sản xuất sản phẩm

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng tái sử dụng năm 2016	Số lượng tái sử dụng năm 2017
1	Phế liệu nhựa	tấn	11.098	14.812
2	Hạt nhựa	tấn	1.013	788

Cùng với sự gia tăng về lượng nguyên vật liệu được sử dụng, Công ty cũng tích cực tái chế nguyên liệu để đưa vào sản xuất, giảm lượng phế thải ra môi trường, không gây ô nhiễm môi trường, đồng thời góp phần làm giảm tác động xấu của các hoạt động sản xuất công nghiệp tới môi trường xung quanh.

Tiêu thụ năng lượng

Năm 2017, với việc đưa vào hoạt động nhà máy 6 và nhà máy 7, lượng điện tiêu thụ của công ty tăng lên so với năm 2016. Lượng điện năng tiêu thụ cho các hoạt động năm 2017 khoảng 62 triệu KW. Việc sử dụng điện được tiết kiệm tối đa với hầu hết các thiết bị sản xuất, thiết bị chiếu sáng của An Phát là các thiết bị tiết kiệm điện theo đúng tiêu chuẩn. Ngoài ra, để hạn chế tối đa các nguồn điện lãng phí, An Phát luôn có kế hoạch kiểm tra thường xuyên các hoạt động có tiêu thụ điện năng để cắt bỏ những khâu có gây lãng phí.

Tiêu thụ nước

Để đảm bảo đủ nước trong sản xuất và sinh hoạt, Công ty đã ký hợp đồng cung cấp nước với Trạm cấp nước sạch Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, với lượng nước sử dụng trung bình như sau:

Khu vực	Đơn vị	Số lượng sử dụng 2016	Số lượng sử dụng 2017
KCN Nam Sách	m3	23.534	13.940
Cụm An Đồng	m3	69.740	56.193
Tổng	m3	83.234	70.133

Hiện tại việc tái chế và tái sử dụng nước tại Công ty được sử dụng cho hệ thống làm mát máy và hệ thống làm mát không khí tại nhà xưởng. Công ty sử dụng nước sạch trong công đoạn này, do đó toàn bộ nước được tuần hoàn tái sử dụng không thải nước ra ngoài môi trường.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước. Công ty thường xuyên có ý thức và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra trong các báo cáo DTM, tuân thủ các quy định và hướng dẫn bảo vệ môi trường quản lý, không gây ô nhiễm và không làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng môi trường cho khu vực. Do vậy trong quá trình hoạt động

Công ty An Phát chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, gắn với bảo vệ môi trường, An Phát đã đầu tư quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Tại các nhà máy, An Phát đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tiên tiến bảo đảm tiêu chuẩn môi trường. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng và có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận với các thị trường khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường như EU, Nhật.

Để sản phẩm chinh phục các thị trường khó tính nhất thế giới, trong đó có thị trường Nhật Bản, Công ty An Phát chủ trương xây dựng “tư duy Nhật, chất lượng Nhật và văn hoá Nhật”, từ việc đầu tư nhà máy riêng với máy móc hiện đại, quy trình sản xuất khép kín, sạch sẽ, an toàn theo đúng tiêu chuẩn của khách hàng yêu cầu. Cùng với đó, An Phát còn mời các chuyên gia Nhật tham gia vào bộ máy quản lý, nhằm xây dựng “quy trình sản xuất Nhật và tác phong làm việc Nhật” cho chính những công nhân của mình.

Năm 2017 tiếp tục là năm thành công của An Phát khi Công ty liên tục đón nhiều lượt khách hàng đến từ châu Âu, Mỹ, Úc và Nhật Bản tới tham quan Nhà máy để thảo luận về chiến lược hợp tác trong thời gian tới như: công ty Dollar General, Mitsubishi Corporation, Sojitz, Itochu, Hanwa... Khách hàng đã đưa ra nhiều đánh giá tốt về hệ thống sản xuất của An Phát như nhà xưởng sạch sẽ, công nhân thân thiện, cải tiến hệ thống nhanh chóng và hiệu quả. Ngoài việc đầu tư xây dựng hệ thống nhà xưởng sạch đẹp, trong khuôn viên của nhà máy, An Phát trồng nhiều cây xanh, vừa đảm bảo mỹ quan, vừa giảm thiểu ô nhiễm không khí. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo công ty cũng thường xuyên tuyên truyền về bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức, trách nhiệm giữ gìn môi trường Xanh - Sạch - Đẹp cho người lao động. Nhờ những nỗ lực không mệt mỏi trong công tác bảo vệ môi trường, Công ty An Phát đã nhận được giải thưởng Doanh nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường vì mục tiêu tăng trưởng xanh Quốc gia do báo Tài nguyên môi trường trao tặng năm 2017, khẳng định uy tín thương hiệu đối với khách hàng trong 15 năm xây dựng và phát triển. Thời gian tới, bên cạnh việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Công ty An Phát sẽ tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, môi trường theo tiêu chuẩn mới ISO 14001:2015,

nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững.

Hải Dương ngày 10 tháng 02 năm 2018

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



PHẠM ÁNH DƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 51

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Phạm Đình Ngu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt	Ủy viên
3. Bà Văn Thị Lan Anh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
3. Bà Trần Thị Thoàn	Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 020102/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 01 tháng 02 năm 2018, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế**

Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-01

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.142.716.548.893	1.361.646.469.010
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	509.577.636.533	406.676.809.154
1. Tiền	111		120.809.634.969	121.149.572.757
2. Các khoản tương đương tiền	112		388.768.001.564	285.527.236.397
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	50.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		961.381.022.420	455.567.565.640
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	417.516.053.153	221.225.458.631
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	325.870.456.358	184.015.378.614
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	129.729.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	88.265.512.909	51.025.438.748
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(698.710.353)
IV. Hàng tồn kho	140		536.681.725.193	450.591.281.857
1. Hàng tồn kho	141	5.7	536.681.725.193	450.591.281.857
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		85.076.164.747	48.810.812.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	18.897.599.281	21.275.206.737
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65.917.582.112	27.535.605.622
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	260.983.354	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.433.440.579.906	1.715.969.509.727
I. Tài sản cố định	220		2.299.486.571.152	1.434.278.060.008
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.202.974.097.676	1.338.477.950.662
- Nguyên giá	222		2.707.435.817.410	1.703.369.654.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(504.461.719.734)	(364.891.703.937)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	96.512.473.476	95.800.109.346
- Nguyên giá	228		103.445.820.433	100.838.674.433
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.933.346.957)	(5.038.565.087)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		98.121.103.897	214.999.542.284
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	98.121.103.897	214.999.542.284
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	44.338.667.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	44.338.667.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		35.832.904.857	22.353.240.435
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	35.612.756.095	22.332.919.192
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		220.148.762	20.321.243
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.576.157.128.799	3.077.615.978.737

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.951.186.840.177	2.122.863.876.413
I. Nợ ngắn hạn	310		1.990.803.708.402	1.140.284.738.375
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	519.298.194.029	304.263.540.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	17.127.077.695	11.280.630.943
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	14.232.960.650	6.947.288.639
4. Phải trả người lao động	314		13.308.406.810	9.184.831.648
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.422.195.946	2.080.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2.702.175.863	5.705.003.625
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	1.417.686.392.234	800.794.847.498
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.305.175	28.595.879
II. Nợ dài hạn	330		960.383.131.775	982.579.138.038
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	959.926.578.352	982.579.138.038
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		456.553.423	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.624.970.288.622	954.752.102.324
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	1.624.970.288.622	954.752.102.324
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		835.999.880.000	569.649.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		835.999.880.000	569.649.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		198.063.767.329	160.721.267.329
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		158.818.819	205.250.085
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.683.661.717	38.274.886.929
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13.177.404.323	13.177.404.323
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		283.769.575.300	161.862.080.186
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	421a		90.051.907.554	71.776.592.221
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		193.717.667.746	90.085.487.965
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		248.117.181.134	10.861.333.472
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.576.157.128.799	3.077.615.978.737


Hò Thị Hòe
Người lập


Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.076.763.652.003	2.145.496.749.447
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.155.348.862	1.726.940.597
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	4.069.608.303.141	2.143.769.808.850
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.519.223.197.973	1.836.734.397.150
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		550.385.105.168	307.035.411.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	55.775.260.107	30.198.848.862
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	95.052.847.758	53.927.481.929
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		80.592.049.351	27.284.472.139
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	1.751.339.799
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	105.724.321.494	56.882.135.462
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	79.322.555.685	62.622.750.100
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		326.060.640.338	165.553.232.870
12. Thu nhập khác	31		2.388.598.927	8.081.453.308
13. Chi phí khác	32		394.931.990	7.037.904.139
14. Lợi nhuận khác	40		1.993.666.937	1.043.549.169
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		328.054.307.275	166.596.782.039
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	64.433.475.421	23.692.445.025
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		256.725.898	(20.680.603)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		263.364.105.956	142.925.017.617
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		223.342.661.746	141.985.475.965
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		40.021.444.210	939.541.652
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	3.426	2.611
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	3.426	1.757



Hồ Thị Hòe
Người lập



Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	328.054.307.275	166.596.782.039
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	168.028.491.091	92.958.744.347
Các khoản dự phòng	03	-	536.604.972
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.615.280.443	10.808.822.854
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(36.986.376.368)	(11.793.166.593)
Chi phí lãi vay	06	80.592.049.351	27.284.472.139
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	542.303.751.792	286.392.259.758
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(571.052.443.106)	(193.606.733.582)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(86.090.443.336)	(236.404.726.287)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	35.067.814.485	211.621.840.946
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(10.902.229.447)	(15.992.562.452)
Tiền lãi vay đã trả	14	(76.736.436.738)	(27.284.472.139)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(57.458.213.418)	(22.514.289.760)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	157.023.736.832	82.589.244.341
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(12.819.141.106)	(4.631.006.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(80.663.604.042)	80.169.554.226
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(695.959.760.341)	(1.077.441.959.310)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	486.363.637	53.621.100.893
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(349.729.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	183.570.000.000	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	150.547.322.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.513.190.829	12.131.982.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(698.571.883.875)	(1.011.688.875.431)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	406.752.500.000	84.247.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.109.992.694.442	2.598.523.339.565
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.534.755.293.294)	(1.728.371.348.611)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(99.782.597.750)	(86.362.442.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	882.207.303.398	868.037.048.854
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	102.971.815.481	(63.482.272.351)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	406.676.809.154	470.061.718.120
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(70.988.102)	97.363.385
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	509.577.636.533	406.676.809.154



Hồ Thị Hòe
Người lập



Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25 ngày 08 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 835.999.880.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.834 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.690 người).

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, Công ty con đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016. Tỷ lệ sở hữu tương đương tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ là 35,29%.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

2. Công ty TNHH Nhựa Thakhek (“Công ty con”) là Công ty TNHH được thành lập theo Thỏa thuận phát triển dự án số 007/TSZ ngày 05 tháng 03 năm 2013 giữa Ban quản lý đặc khu kinh tế riêng biệt Thakhek, tỉnh Khammouane. Tỷ lệ sở hữu tương đương tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ là 100%.

Công ty con có tên giao dịch là THAKHEK PLASTIC CO.,LTD. Trụ sở của Công ty con tại Làng Vern, huyện Thakhek, tỉnh Khammouane, CHDCND Lào.

3. Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 0801225485 ngày 27 tháng 10 năm 2017. Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 18 tháng 12 năm 2017. Tỷ lệ sở hữu tương đương tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ là 65%.

Trụ sở của Công ty con tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nhựa và bao bì nhựa các loại.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	05 - 25
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất nhà đào tạo	20
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	45
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	21
Quyền sử dụng đất Nhà máy 5	37,5
Quyền sử dụng đất Nhà máy 6	47
Quyền sử dụng đất Nhà máy 7	18
Phần mềm máy vi tính	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1, Nhà máy số 2, Nhà máy số 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 20%. Nhà máy số 5 được miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	16.595.610.612	712.340.467
Tiền gửi ngân hàng	104.212.469.557	120.437.232.290
Tiền đang chuyển	1.554.800	-
Các khoản tương đương tiền (*)	388.768.001.564	285.527.236.397
Cộng	509.577.636.533	406.676.809.154

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

- Các khoản tiền gửi của Công ty mẹ có tổng giá trị là 294.796.052.195 đồng với kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,5%/năm đến 5,4%/năm.
- Các khoản tiền gửi của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái có tổng giá trị là 93.971.949.369 đồng với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm.

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- {a} Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 744/HĐTP/VPBS/ATK-Q/HO ngày 8 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đặt mua 300.000 trái phiếu của Công ty TNHH ATAKA với mệnh giá là 100.000 đồng, tổng số tiền là 30 tỷ đồng chẵn.
- {b} Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 743/HĐTP/VPBS/ATK-Q/HO ngày 8 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đặt mua 200.000 trái phiếu của Công ty TNHH MTV ATAKA với mệnh giá là 100.000 đồng, tổng số tiền là 20 tỷ đồng chẵn.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng trong nước	126.848.173.703	28.384.323.045
Phải thu khách hàng nước ngoài	290.667.879.450	192.841.135.586
Cộng	417.516.053.153	221.225.458.631

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán trong nước	41.545.797.262	74.111.005.075
Trả trước cho người bán nước ngoài (*)	284.324.659.096	109.904.373.539
Cộng	325.870.456.358	184.015.378.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn tại Công ty mẹ	30.000.000.000	
Ông Phạm Thanh Bình {a}	30.000.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn tại Công ty CP Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	99.729.000.000	
Công ty Cổ phần An Phát Holdings {b}	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Dương Phạm Investment {c}	7.160.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Trung và Hòa {d}	7.160.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương {e}	6.410.000.000	-
Các cá nhân khác {f}	69.999.000.000	-
Cộng	129.729.000.000	-

{a} Khoản cho vay cá nhân anh Phạm Thanh Bình theo hợp đồng số 012/2017 ngày 05 tháng 12 năm 2017 với số tiền bằng 30 tỷ đồng. Lãi suất cho vay bằng 6%/năm. Tiền gốc và lãi được thanh toán 1 lần khi đến hạn.

{b} Khoản cho Công ty Cổ phần An Phát Holdings vay với số tiền 9.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 06121704HD ngày 06 tháng 12 năm 2017 với lãi suất 4,5% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay không hủy ngang và tiền lãi được thanh toán một lần khi đáo hạn.

{c} Khoản cho Công ty TNHH Dương Phạm Investment vay với số tiền 7.160.000.000 đồng theo hợp đồng số 06121701HD ngày 06 tháng 12 năm 2017 với lãi suất 4,5% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay không hủy ngang và tiền lãi được thanh toán một lần khi đáo hạn.

{d} Khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Trung và Hòa vay với số tiền 7.160.000.000 đồng theo hợp đồng số 06121702HD ngày 06 tháng 12 năm 2017 với lãi suất 4,5% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay không hủy ngang và tiền lãi được thanh toán một lần khi đáo hạn.

{e} Khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương vay với số tiền 6.410.000.000 đồng theo hợp đồng số 06121703HD ngày 06 tháng 12 năm 2017 với lãi suất 4,5% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay không hủy ngang và tiền lãi được thanh toán một lần khi đáo hạn.

{f} Các khoản cho vay cá nhân theo các hợp đồng cho vay ký ngày 31 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát với các cá nhân. Thời hạn cho vay là 06 tháng với lãi suất 4,5%. Các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5.6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	41.792.566.126	8.887.218.392
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	8.397.708.165	3.789.210.700
Thuế GTGT đề nghị hoàn	10.000.000.000	37.342.010.105
Tiền bồi thường đất được hỗ trợ	18.481.993.000	-
Phải thu khác	9.593.245.618	1.006.999.551
Cộng	88.265.512.909	51.025.438.748

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.7. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	10.683.200.798	-	26.925.196.561	-
Nguyên liệu, vật liệu	345.006.616.947	-	326.621.163.150	-
Công cụ, dụng cụ	19.505.307.370	-	12.416.843.576	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.174.471.739	-	16.064.918.516	-
Thành phẩm	91.559.671.054	-	68.563.160.054	-
Hàng hoá	54.752.457.285	-	-	-
Cộng	536.681.725.193	-	450.591.281.857	-

5.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/đã bù trừ trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	202.114.928	103.761.420.101	103.963.535.029	-
Thuế xuất nhập khẩu	58.868.426	3.581.020.327	3.639.888.753	-
Cộng	260.983.354	107.719.885.424	108.365.686.188	-
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	867.648	867.648
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.869.104.440	4.869.104.440	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.101.563.481	64.668.885.197	57.458.213.418	6.890.891.702
Thuế thu nhập cá nhân	131.397.169	3.759.672.102	3.683.804.222	55.529.289
Các loại thuế khác	-	3.330.315.943	3.330.315.943	-
Cộng	14.232.960.650	76.627.977.682	69.342.305.671	6.947.288.639

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2017	397.773.842.240	1.160.754.959.279	102.604.163.561	6.738.206.615	15.552.983.000	19.945.499.904	1.703.369.654.599
Mua trong năm	13.607.480.014	195.435.716.442	118.744.240.737	1.059.787.127	-	1.433.959.000	330.281.183.320
Đầu tư XDCB hoàn thành	263.039.386.326	374.258.959.206	22.350.406.055	322.120.000	-	2.623.778.251	662.594.649.838
Thanh lý, nhượng bán		(29.092.527.712)		-	-	-	(29.092.527.712)
Tăng do mua công ty con cấp 2	-	-	40.282.857.365	-	-	-	40.282.857.365
Tại ngày 31/12/2017	674.420.708.580	1.701.357.107.215	283.981.667.718	8.120.113.742	15.552.983.000	24.003.237.155	2.707.435.817.410
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2017	46.238.744.439	284.588.148.647	23.832.984.027	1.435.983.439	4.715.399.395	4.080.443.990	364.891.703.937
Khấu hao trong năm	20.813.051.537	119.412.056.720	22.071.219.837	889.002.581	818.978.880	2.129.399.666	166.133.709.221
Thanh lý, nhượng bán	-	(28.408.846.574)	-	-	-	-	(28.408.846.574)
Tăng do mua công ty con cấp	-	-	1.845.153.150	-	-	-	1.845.153.150
Tại ngày 31/12/2017	67.051.795.976	375.591.358.793	47.749.357.014	2.324.986.020	5.534.378.275	6.209.843.656	504.461.719.734
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2017	351.535.097.801	876.166.810.632	78.771.179.534	5.302.223.176	10.837.583.605	15.865.055.914	1.338.477.950.662
Tại ngày 31/12/2017	607.368.912.604	1.325.765.748.422	236.232.310.704	5.795.127.722	10.018.604.725	17.793.393.499	2.202.974.097.676

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.202.974.097.689 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.338.477.950.662 đồng). Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 23.669.773.846 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 40.454.211.554 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	100.699.674.433	139.000.000	100.838.674.433
Mua trong năm	21.156.593.000	347.500.000	21.504.093.000
Giảm khác (*)	(18.896.947.000)	-	(18.896.947.000)
Tại ngày 31/12/2017	102.959.320.433	486.500.000	103.445.820.433
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	4.950.092.869	88.472.218	5.038.565.087
Khấu hao trong năm	1.835.425.094	59.356.776	1.894.781.870
Tại ngày 31/12/2017	6.785.517.963	147.828.994	6.933.346.957
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	95.749.581.564	50.527.782	95.800.109.346
Tại ngày 31/12/2017	96.173.802.470	338.671.006	96.512.473.476

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 73.473.172.562 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 86.854.847.778 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 32.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 32.000.000 đồng).

- (*) Tiền hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy 6 theo công văn số 4806/XN-CT của Cục thuế tỉnh Hải Dương về việc tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất diện tích đất thuê: 99.212 m²- NM6, thời gian thuê đất đến hết 15 tháng 8 năm 2064. Theo đó, tổng số tiền hỗ trợ là 18.896.947.000 đồng, được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của Công ty Cổ phần nhựa và môi trường xanh An Phát từ tháng 6 năm 2017 đến hết tháng 12 năm 2043.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tại Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	54.704.144.626	208.354.542.284
Nhà máy số 8	53.065.449.171	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	46.376.462.282	-
- Mua sắm máy móc thiết bị	6.688.986.889	-
Nhà máy số 7	-	41.809.579.319
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	40.297.183.319
- Mua sắm máy móc thiết bị	-	1.512.396.000
Nhà máy số 6 (Dự án 10ha)	-	161.966.410.420
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	78.649.756.367
- Mua sắm máy móc thiết bị	-	83.316.654.053
Nhà điều hành và các công trình phụ trợ	-	4.578.552.545
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	4.181.074.545
- Cài tạo nhà máy số 2 và 3	-	223.746.000
- Cài tạo nhà máy số 5	-	173.732.000
Nhà đào tạo	1.638.695.455	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.638.695.455	-
Tại Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái	43.416.959.271	6.645.000.000
Xây dựng nhà xưởng CACO3	-	6.645.000.000
Máy móc thiết bị	39.292.832.920	-
Xây dựng nhà xưởng	4.124.126.351	-
Cộng	98.121.103.897	214.999.542.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.12. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.961.028.541	21.275.206.737
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.936.570.740	-
Cộng	18.897.599.281	21.275.206.737
b. Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	33.733.105.758	22.332.919.192
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.879.650.337	-
Cộng	35.612.756.095	22.332.919.192

5.13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	214.677.980	478.917.344
Bảo hiểm xã hội	2.992.890	15.413.898
Bảo hiểm y tế	820.133	2.566.177
Bảo hiểm thất nghiệp	2.710.725	1.713.278
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	292.987.542	219.231.292
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.187.986.593	4.987.161.636
Cộng	2.702.175.863	5.705.003.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	447.327.196.682	447.327.196.682	264.563.403.829	264.563.403.829
Phải trả nhà cung cấp trong nước	71.970.997.347	71.970.997.347	39.700.136.314	39.700.136.314
Cộng	519.298.194.029	519.298.194.029	304.263.540.143	304.263.540.143

5.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước nước ngoài	15.859.588.639	15.859.588.639	9.916.215.713	9.916.215.713
Người mua trả tiền trước trong nước	1.267.489.056	1.267.489.056	1.364.415.230	1.364.415.230
Cộng	17.127.077.695	17.127.077.695	11.280.630.943	11.280.630.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi tiết tại Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	493.974.718.525	493.974.718.525	1.078.394.174.576	835.916.182.899	251.496.726.848	251.496.726.848
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương (ii)	157.618.203.194	157.618.203.194	303.390.235.013	145.772.031.819	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iii)	128.660.085.386	128.660.085.386	497.044.864.754	540.012.912.969	171.628.133.601	171.628.133.601
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)- Sở Giao Dịch 1 (iv)	109.362.113.663	109.362.113.663	112.438.369.126	3.076.255.463	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương (v)	91.922.518.634	91.922.518.634	243.512.685.261	251.166.621.444	99.576.454.817	99.576.454.817
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (vi)	60.995.995.794	60.995.995.794	298.853.515.318	332.501.377.815	94.643.858.291	94.643.858.291
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong VN- Chi nhánh Hà Nội (vii)	44.070.831.263	44.070.831.263	44.070.831.263	-	-	-
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội (viii)	32.877.197.176	32.877.197.176	157.520.667.416	162.324.794.855	37.681.324.615	37.681.324.615
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	20.430.061.989	50.577.046.494	30.146.984.505	30.146.984.505
Cộng (I)	1.119.481.663.635	1.119.481.663.635	2.755.655.404.716	2.321.347.223.758	685.173.482.677	685.173.482.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi tiết tại Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (Tiếp theo)						
- Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	3.043.210.500	33.139.883.700	30.096.673.200	30.096.673.200
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	-	58.978.465.500	63.045.950.194	4.067.484.694	4.067.484.694
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Sở Giao Dịch	-	-	12.573.475.200	12.573.475.200	-	-
Chi tiết tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	123.981.461.681	123.981.461.681	391.219.187.845	348.694.933.091	81.457.206.927	81.457.206.927
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ix)	44.844.033.176	44.844.033.176	189.661.566.341	201.548.112.637	56.730.579.472	56.730.579.472
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (x)	79.137.428.505	79.137.428.505	201.557.621.504	147.146.820.454	24.726.627.455	24.726.627.455
Vay tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	174.223.266.918	174.223.266.918	229.686.087.388	55.462.820.470	-	-
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	-	-	6.499.942.400	6.499.942.400	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (xi)	118.876.313.303	118.876.313.303	134.648.347.714	15.772.034.411	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Chi nhánh Hải Dương (xii)	9.706.424.064	9.706.424.064	18.624.392.326	8.917.968.262	-	-
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hải Dương	-	-	24.240.527.685	24.240.527.685	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Dương (xiii)	45.640.529.551	45.640.529.551	45.672.877.263	32.347.712	-	-
Cộng (II)	298.204.728.599	298.204.728.599	695.500.426.433	512.917.062.655	115.621.364.821	115.621.364.821
Tổng cộng (A) = (I + II)	1.417.686.392.234	1.417.686.392.234	3.451.155.831.149	2.834.264.286.413	800.794.847.498	800.794.847.498

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 04.05/CNHD9/2017/HĐCVHM/ANPHAT ngày 04 tháng 05 năm 2017 với hạn mức cho vay là 500 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018, lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

(ii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 660.364/2017/HĐTDHM-DN/PGbankHD ngày 06 tháng 06 năm 2017 với hạn mức cho vay là 7.000.000 USD hoặc quy đổi Việt Nam Đồng tương đương. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2017 đến ngày 20 tháng 02 năm 2018, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn vay theo khế ước nhận nợ nhưng không quá 06 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại nhà máy III của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát theo hợp đồng thế chấp số 142/HĐTC/PGBHD-17 ngày 06 tháng 06 năm 2017.

(iii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170071/NHNTHD ngày 10 tháng 08 năm 2017 với hạn mức cho vay là 250 tỷ đồng, thời gian của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, phù hợp với lãi suất theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là phương tiện vận tải của công ty.

(iv) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/1347719/HĐTD ngày 17 tháng 03 năm 2017 với tổng số tiền là 200 tỷ đồng bao gồm cả VNĐ và ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ký hợp đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

(v) Vay ngắn hạn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 13258.17.270.300401.TD ngày 31 tháng 07 năm 2017. Với hạn mức cho vay là 160 tỷ đồng, thời gian cấp hạn mức tín dụng đến ngày 07 tháng 07 năm 2018, lãi suất vay phụ thuộc vào từng khế ước nhận nợ, thời hạn các khoản hạn mức không được quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay gồm 2 ô tô con biển kiểm soát 29A-638.70 và 30A-609.34 và tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(vi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1347719/HĐTDHM ngày 17 tháng 04 năm 2017. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 31 tháng 03 năm 2018. Hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bên vay, bên thứ ba với ngân hàng.

(vii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HN/2017/09/BCB/HDTD ngày 23 tháng 05 năm 2017. Với hạn mức cho vay là 2.000.000 USD, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 31 tháng 11 năm 2017, thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 04 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay bằng VND là 6,54%/năm, Lãi suất vay bằng USD là 2,54%/năm. Mục đích vay để tài trợ nhập khẩu nguyên vật liệu. Khoản vay được đảm bảo bằng Chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn trị giá 5 tỷ đồng và bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Lê Trung- Tổng Giám đốc.

(viii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số BBL-HN 07/2013 ngày 28 tháng 10 năm 2013, phụ lục bổ sung ngày 21 tháng 10 năm 2016 với hạn mức cho vay là 8.000.000 USD. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo khoản tiền gửi tại ngân hàng tương đương 10% số tiền của thư tín dụng kể từ ngày mở thư tín dụng đến ngày thanh toán khoản vay nhập khẩu dưới thư tín dụng đó.

(ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/3197534/HDTD ngày 08 tháng 05 năm 2017, hạn mức tín dụng tối đa là 60 tỷ đồng và ngoại tệ tương đương. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 08 tháng 05 năm 2018. Lãi suất vay có điều chỉnh. Thời hạn trả lãi vay, gốc vay được quy định cụ thể trong từng hợp đồng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/3197534/HDBD ký ngày 26 tháng 05 năm 2014, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3197534/HDBD ký ngày 24 tháng 04 năm 2017.

(x) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 71/2017/HDCV/NHCTKCNHD5 ngày 31 tháng 03 năm 2017, tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng (hoặc ngoại tệ tương đương). Công ty vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 31 tháng 03 năm 2017 đến hết ngày 15 tháng 04 năm 2018. Thời hạn cho vay của từng khoản tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất điều chỉnh. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản khác theo hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2015/HDTC/KCNHD5 ngày 30 tháng 03 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(xi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 175/2017/HĐCV/KCNHD5 ngày 04 tháng 07 năm 2017. Hạn mức cho vay là 150 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 04 tháng 07 năm 2017 đến ngày 03 tháng 07 năm 2018, thời hạn từng khoản vay không quá 4 tháng kể từ ngày ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ và điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Lãi suất cho vay bằng VNĐ tại thời điểm ký hợp đồng là 6%/năm, và bằng USD là 2,9%/năm áp dụng cho những giấy nhận nợ phát sinh trước ngày 31 tháng 07 năm 2017. Lãi vay được trả vào ngày 20 hàng tháng, dư nợ gốc trả theo quy định của giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: thế chấp hàng tồn kho, phải thu luân chuyển của Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và thư bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.

(xii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cấp tín dụng số HDG2017 0561/HĐTD ngày 26 tháng 10 năm 2017, hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, hạn mức L/C là 100 tỷ đồng. Thời hạn của hạn mức là 12 tháng (đến ngày 26 tháng 10 năm 2018). Thời hạn của từng khoản vay không vượt quá 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi số 05/2017/TGKH/TCB cùng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng cầm cố ngày 14 tháng 09 năm 2017 và các phụ lục kèm theo.

(xiii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cấp tín dụng số 22050.17.270.328.3571.TD ngày 03/11/2017. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng hoặc USD có giá trị tương đương. Thời hạn của hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến ngày 20/09/2018. Thời hạn của từng khoản tín dụng là 4 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quy định tại từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: trường hợp dư nợ dưới 15 tỷ đồng được bảo đảm bằng giấy tờ có giá, phương tiện vận tải, bất động sản đáp ứng điều kiện nhận tài sản của ngân hàng, trường hợp dư nợ vượt 15 tỷ đồng được bảo đảm bằng thư bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và môi trường xanh An Phát, Công ty CP Nhựa và Khoán sản An Phát - Yên Bái, và các tài sản khác theo quy định của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	VND	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi tiết tại Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (I)	761.575.328.352	761.575.328.352	582.715.463.770	648.716.623.456	827.576.488.038	827.576.488.038
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	93.200.000.000	93.200.000.000	-	27.100.000.000	120.300.000.000	120.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	81.465.767.990	81.465.767.990	22.230.000.000	20.461.267.116	79.697.035.106	79.697.035.106
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương (iii)	53.639.822.862	53.639.822.862	48.722.552.000	46.681.970.870	51.599.241.732	51.599.241.732
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (iv)	34.667.237.500	34.667.237.500	34.362.911.770	9.121.745.470	9.426.071.200	9.426.071.200
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	-	-	27.385.000.000	27.385.000.000	27.385.000.000
- Vay cá nhân (v)	21.000.000.000	21.000.000.000	85.400.000.000	157.006.640.000	92.606.640.000	92.606.640.000
- Vay tổ chức (vi)	149.690.000.000	149.690.000.000	390.650.000.000	240.960.000.000	-	-
- Trái phiếu phát hành {vii}	327.912.500.000	327.912.500.000	1.350.000.000	120.000.000.000	446.562.500.000	446.562.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	31/12/2017				01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng VND
Chi tiết tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (II)	179.265.250.000	179.265.250.000	40.260.000.000	15.997.400.000	155.002.650.000	155.002.650.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (viii)	20.240.250.000	20.240.250.000	-	5.997.400.000	26.237.650.000	26.237.650.000
- Ông Nguyễn Văn Bình (ix)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
- Ông Vũ Đức Trung	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Trái phiếu phát hành (x)	129.025.000.000	129.025.000.000	260.000.000	-	128.765.000.000	128.765.000.000
<i>Gốc trái phiếu</i>	<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>	-	-	<i>130.000.000.000</i>	-
<i>Phí phát hành trái phiếu</i>	<i>(975.000.000)</i>	<i>(975.000.000)</i>	<i>260.000.000</i>	-	<i>(1.235.000.000)</i>	-
Vay tại Công ty CP Liên Vận An Tín (III)	19.086.000.000	19.086.000.000	25.050.000.000	5.964.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (xi)	19.086.000.000	19.086.000.000	25.050.000.000	5.964.000.000	-	-
<i>Trong đó: Tăng trong năm do mua Công ty con</i>	-	-	<i>15.250.000.000</i>	-	-	-
Cộng (I)+(II)+(III)	959.926.578.352	959.926.578.352	648.025.463.770	670.678.023.456	982.579.138.038	982.579.138.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(i) Vay trung hạn dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hai hợp đồng sau:

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/1347719/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 70 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do đã đầu tư tài sản cố định trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9.3%/năm, áp dụng lãi suất thỏa thuận thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 02/2016/1347719/HĐTD ngày 23 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 68 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do tham gia dự án đầu tư 12 máy thổi màng nhựa. Thời hạn vay trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm, áp dụng lãi suất thỏa thuận thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, hàng tồn kho chậm luân chuyển.

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn phát sinh năm 2014 và năm 2015 với số tiền vay quy định trên từng hợp đồng và thời hạn vay từ 36 - 60 tháng. Mục đích sử dụng để phục vụ cho đầu tư mua sắm xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất từ 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay quy định từng hợp đồng thế chấp đã ký.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 01/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 13 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 4.470.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để đầu tư xây dựng công trình máy che nhà máy số 5. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 02/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 12 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 7.968.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 03/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 18 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 9.886.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn (tiếp theo)

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 4/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 25 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 10.970.000.000 đồng Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 06/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 06 tháng 06 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2.800.000.000 đồng Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 05.07/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 05 tháng 07 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8.800.000.000 đồng (8 tỷ tám trăm triệu). Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 29.05.CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MAZDA3 ngày 29 tháng 05 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 560.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để thực hiện dự án đầu tư mua xe oto Mazda 3 2 0 SD phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản số 29.05/CNHD9/2017/HĐTC/ANPHAT/MAZDA3 ngày 29 tháng 05 năm 2017 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 805.000.000 đồng.

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 06.06.CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/OTO ngày 06 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4.300.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua 10 xe oto Hyundai Grand I10 1.0 MT 2017 -AVN (EU4); 01 xe ô tô Toyota Vios 1.5G và 01 xe ô tô Toyota Hilux 2.4E 4x2T; 02 xe Toyota Vios 1.5G. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn (tiếp theo)

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 25.07/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/30E-501.05 ngày 25 tháng 07 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4.060.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua ô tô con Mercedesz G350, biển số 30E-501.05. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03.08/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MERCEDES- BENZ ngày 23 tháng 08 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 1.700.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua xe du lịch Mercedes Benz V250 Avantgarde. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 14.07/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MERCEDES ngày 14 tháng 07 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 1.700.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua xe du lịch Mercedes Benz V250 Avantgarde. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12.12/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/24OTO ngày 12 tháng 12 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 8.350.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm 24 xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại của Công ty. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

(iii) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn với số tiền vay quy định từng hợp đồng và thời hạn từ 50 - 60 tháng. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất các khoản vay từ 10,5%/năm đến 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung hạn và dài hạn (tiếp theo)

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.139/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22 tháng 03 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8.390.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.184/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 3.619.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 48 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.365/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 05 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 44.465.542.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm máy móc thiết bị. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 63.522.204.733 đồng.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.029/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 16 tháng 01 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 424.900.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại, giao dịch. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô VIOS 1.5G CVT. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 607.000.000 đồng.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.028/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 11 tháng 01 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 3.264.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại, giao dịch. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay là 01 ô tô Camry 2.0E, 02 xe Fortuner 2.7V 4x2 và 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu SUBARU. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 4.663.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung hạn và dài hạn (tiếp theo)

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.100/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 29 tháng 03 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 2.544.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phụ vụ hợp đồng sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 3.634.400.000 đồng.

(iv) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/1347719/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 1.995,00 USD, quy đổi là 44 tỷ đồng (đồng vay là USD). Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định là 20 máy thổi tốc độ cao. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo từng thời điểm.

(v) Theo Hợp đồng vay tiền ngày 27 tháng 09 năm 2017 với tổng số tiền vay là 21 tỷ, lãi suất 9,11%/năm. Thời hạn vay từ ngày 29 tháng 12 năm 2016 đến ngày 28 tháng 12 năm 2018. Mục đích vay trung và dài hạn bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(vi) Theo các Hợp đồng vay của các tổ chức có thời hạn 2 năm, lãi suất áp dụng cho khoản vay là 7%/năm. Khoản vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

(vii) Trái phiếu phát hành theo các hợp đồng sau:

- Theo HĐ mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01 tháng 12 năm 2015 bên bán: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, bên mua: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Trái phiếu được phát hành là Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và đính kèm theo chứng quyền. Trái phiếu và chứng quyền được tách riêng kể từ ngày phát hành và được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Với mỗi một chứng quyền nhận được, người sở hữu chứng quyền được quyền mua 100 cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành. Chứng quyền bắt đầu được thực hiện sau 12 tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu. Thời hạn thực hiện chứng quyền là ba năm kể từ ngày phát hành trái phiếu. Mục đích phát hành trái phiếu để đầu tư xây dựng nhà máy mới, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Số lượng trái phiếu phát hành là 300.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu. Với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được một (1) chứng quyền, tương ứng là 300.000 chứng quyền. Ngày phát hành 04 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 03 năm, lãi suất 5,6%/năm đầu tiên; Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng 01 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng; và 5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát do cá nhân nắm giữ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETTIBANK.HD ngày 06 tháng 09 năm 2016 với bên mua: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nilon số 6, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, số lượng 150 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu. Ngày phát hành là 06 tháng 09 năm 2016 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất 7,0%/ năm đầu tiên, Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng 01 lần và được xác định theo nguyên tắc bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 2,0%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng.

(viii) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng vay trung hạn số 297/2015/HĐTDDA/KCNHD5 ngày 27 tháng 11 năm 2015, giá trị vay tối đa là 15 tỷ đồng, thời hạn vay 05 năm. Mục đích sử dụng là để bù đắp chi phí dự án đầu tư 1 máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít, model TKH-175JP. Toàn bộ khoản vay được được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

Hợp đồng tín dụng số 218/2016/HSTDDA/KCNDS ngày 19 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 14.987.000.000 đồng. Khoản vay để nhập khẩu máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít model TKH-175JP. Thời hạn vay vốn trong 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

(ix) Khoản vay Ông Nguyễn Văn Bình theo hợp đồng vay vốn số 015/2017/HII-VB ngày 05 tháng 12 năm 2017, số tiền vay là 30 tỷ đồng. Công ty vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay vốn 24 tháng bắt đầu từ ngày nhận tiền vay. Lãi suất vay là 6%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền gốc và tiền lãi được thanh toán một lần khi đến hạn.

(x) Phát hành trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETINBANK.KCNHD - ANPHATYENBAI ngày 20 tháng 10 năm 2016 với số lượng là 130 trái phiếu mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu. Ngân hàng mua trái phiếu với giá mua bằng 100% mệnh giá trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm với lãi suất cố định trong năm đầu tiên là 8%/năm. Các kỳ tính lãi sau áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh một lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất trái phiếu đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày phát hành. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc ngày mua lại trái phiếu trước hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(xi) Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 04.07/2016-HĐTĐA/NHCT340-ANTIN ngày 4/7/2016 với số tiền vay bằng VNĐ không quá 9 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất của khoản vay cho 12 tháng đầu tiên là lãi suất ưu đãi 8%/năm; sau 12 tháng, lãi suất không áp dụng lãi suất ưu đãi trên. Mục đích của khoản vay thực hiện dự án mua phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp đảm bảo xác định theo hợp đồng thế chấp 04.07.16.33/HĐTC-ANTIN ký ngày 4/7/2016; giá trị tài sản theo Hợp đồng thế chấp là 18.000.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 29.11/CNHD9/2016/HĐTĐA/ANTIN ngày 29 tháng 11 năm 2016 với số tiền vay VNĐ không quá 7 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay cho 12 tháng đầu tiên là lãi suất ưu đãi 7,5%/năm; sau 12 tháng lãi suất không áp dụng lãi suất ưu đãi như trên. Mục đích của khoản vay thực hiện dự án đầu tư mua phương tiện vận tải. Biện pháp đảm bảo xác định định theo hợp đồng thế chấp là 14.198.000.000 đồng.

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 14.06/CNHD9/2017/HDDCVDADTDT/ANTIN/50XE ngày 14 tháng 6 năm 2017 với hạn mức cho vay 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay xác định cho từng lần nhận nợ. Mục đích của khoản vay thực hiện dự án đầu tư mua phương tiện vận tải. Biện pháp đảm bảo xác định theo hợp đồng thế chấp 14.06/CNHD9/2017/HĐTC/ANTIN/20ROMOOC/CIMC ngày 6/6/2017.

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20.10/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANTIN ngày 20 tháng 10 năm 2017, hạn mức cho vay không vượt quá 400.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay là 8%/năm và được ưu đãi trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau ưu đãi áp dụng lãi suất thông thường là 10%/năm. Mục đích khoản vay để thực hiện thanh toán đầu tư mua xe ô tô 5 chỗ RANGER 2.2 theo hợp đồng mua bán xe số 548/051017/HĐMB/HPF ký ngày 05/10/2017 để phục vụ đi lại của ban lãnh đạo công ty. Biện pháp đảm bảo xác định bằng giá trị xe ô tô theo hợp đồng mua bán nêu trên, số tiền là 600.000.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản số 20.10.17/BBĐG/RANGER.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	494.999.880.000	147.408.567.329	1.587.734.457	35.950.759.648	13.177.404.323	116.439.130.668	9.921.791.820	819.485.268.245
Vốn góp tăng trong năm	74.650.000.000	13.312.700.000	-	-	-	(4.000.000.000)	-	83.962.700.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	141.985.475.965	-	141.985.475.965
Tăng trong năm	-	-	205.250.085	-	-	-	-	205.250.085
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.324.127.281	-	(6.012.546.847)	939.541.652	(2.748.877.914)
Trả cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(34.649.991.600)	-	(34.649.991.600)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	(51.899.988.000)	-	(51.899.988.000)
Giảm khác	-	-	(1.587.734.457)	-	-	-	-	(1.587.734.457)
Số dư tại ngày 31/12/2016	569.649.880.000	160.721.267.329	205.250.085	38.274.886.929	13.177.404.323	161.862.080.186	10.861.333.472	954.752.102.324
Vốn góp tăng trong năm (i)	266.350.000.000	37.402.500.000	-	-	-	-	184.000.000.000	487.752.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	223.342.661.746	40.021.444.210	263.364.105.956
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	7.408.774.788	-	(19.793.829.807)	(385.364.122)	(12.770.419.141)
Trả cổ tức năm 2016 (iii)	-	-	-	-	-	(56.964.988.000)	-	(56.964.988.000)
Trả cổ tức đợt 1 năm 2017	-	-	-	-	-	(29.624.994.000)	(13.200.000.000)	(42.824.994.000)
Trả cổ tức của những năm trước	-	-	-	-	-	(2.859.500)	-	(2.859.500)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	(2.996.278.188)	2.996.278.188	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	464.330.318	386.941.931	851.272.249
Tăng do bán Công ty con	-	-	-	-	-	7.483.452.545	23.436.547.455	30.920.000.000
Giảm khác (iv)	-	(60.000.000)	(46.431.266)	-	-	-	-	(106.431.266)
Số dư tại ngày 31/12/2017	835.999.880.000	198.063.767.329	158.818.819	45.683.661.717	13.177.404.323	283.769.575.300	248.117.181.134	1.624.970.288.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 25 ngày 08 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 835.999.880.000 đồng.

(ii) **Tại công ty mẹ:** Phân chia các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11802/2017NQ-ĐHĐ ngày 18 tháng 02 năm 2017, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 8%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và tạm chia cổ tức năm 2017 trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2016 với tỷ lệ 77,12%.

Tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái: Phân phối lợi nhuận theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 2802/2017/BB-ĐHĐ ngày 28 tháng 2 năm 2017, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và sử dụng để bổ sung vốn lưu động 90% trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2016.

(iii) **Tại Công ty mẹ:** Trả cổ tức theo quyết định số 3107/2017/NQ-HĐQT về việc tạm chi trả cổ tức đợt 1 năm 2017. Thời gian chốt danh sách cổ tức là ngày 15 tháng 08 năm 2017. Tỷ lệ chi trả cổ tức là 5%/cổ phần được thanh toán bằng tiền mặt.

Tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái: Tạm ứng cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết chi trả tạm ứng cổ tức năm 2017 đợt 1 số 2707/2017/QĐ-HDQT ngày 27 tháng 07 năm 2017, tỷ lệ chi trả cổ tức là 15%/cổ phần (mỗi cổ phần được nhận 1.500 đồng).

(iv) Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh tăng trong năm là do việc chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty TNHH Nhựa Thakhek từ đồng Kíp Lào (LAK) về đồng tiền ghi sổ của Công ty mẹ là Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản giảm khác 60.000.000 đồng của khoản thặng dư là chi phí tư vấn khi tăng vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với Chủ sở hữu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	569.649.880.000	494.999.880.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	266.350.000.000	74.650.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	835.999.880.000	569.649.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	86.592.841.500	86.549.979.600

c. Cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.599.988	56.964.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83.599.988	56.964.988
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	83.599.988	56.964.988
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.599.988	56.964.988
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	83.599.988	56.964.988
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

5.19. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất, bộ phận kinh doanh thương mại và bộ phận cung cấp dịch vụ. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận sản xuất	- Sản xuất thành phẩm
Bộ phận kinh doanh thương mại	- Bán hàng hóa
Bộ phận dịch vụ	- Cung cấp dịch vụ vận chuyển

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.19. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Sản xuất	Kinh doanh	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	thương mại	VND	VND	VND
		VND			
Tài sản					
Tài sản bộ phận	3.366.889.839.461	1.190.179.373.578	19.087.915.760		4.576.157.128.799
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	
Tổng tài sản	3.366.889.839.461	1.190.179.373.578	19.087.915.760	-	4.576.157.128.799
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	2.171.324.258.953	767.552.687.964	12.309.893.260	-	2.951.186.840.177
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2.171.324.258.953	767.552.687.964	12.309.893.260	-	2.951.186.840.177

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.19. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 như sau:

	Sản xuất	Kinh doanh	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.994.198.507.783	1.058.434.779.361	16.975.015.997		4.069.608.303.141
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận kt	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	2.994.198.507.783	1.058.434.779.361	16.975.015.997	-	4.069.608.303.141
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.513.996.432.418	991.926.189.615	13.300.575.940	-	3.519.223.197.973
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	480.202.075.365	66.508.589.746	3.674.440.057	-	550.385.105.168
Chi phí phân bổ	-	-	-	-	-
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	185.046.877.179
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	365.338.227.989
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	55.775.260.107
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	1.993.666.937
Chi phí tài chính	-	-	-	-	95.052.847.758
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	328.054.307.275
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	64.433.475.421
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	256.725.898
Lợi nhuận trong năm					263.364.105.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.19. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có hoạt động tại Hải Dương, Yên Bái và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (CHDCND Lào). Hoạt động kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ được thực hiện tại tỉnh Hải Dương và tỉnh Yên Bái. Trong năm 2017, Công ty TNHH Nhựa Thakhek không phát sinh doanh thu.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tỉnh Hải Dương	4.021.451.587.685	2.053.147.861.011
Tỉnh Yên Bái	48.156.715.456	90.621.947.839
Cộng	4.069.608.303.141	2.143.769.808.850

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2017	01/01/2017	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Tỉnh Hải Dương	4.066.318.734.951	2.701.745.529.047	880.457.556.996	902.585.350.113
Tỉnh Yên Bái	497.637.113.516	362.737.111.148	174.205.226.527	42.069.435.362
Nước CHDCND Lào	12.086.280.342	13.133.338.542	-	-
Cộng	4.576.042.128.809	3.077.615.978.737	1.054.662.783.523	944.654.785.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.076.763.652.003	2.145.496.749.447
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán thành phẩm	3.001.353.856.645	1.818.239.968.392
- Doanh thu bán hàng hóa	1.058.434.779.361	326.510.366.055
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.975.015.997	746.415.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.155.348.862	1.726.940.597
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	1.282.946.569	722.995.006
- Hàng bán bị trả lại	5.872.402.293	1.003.945.591
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.069.608.303.141	2.143.769.808.850

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm đã bán	2.513.996.432.418	1.528.321.331.144
Giá vốn bán hàng hóa đã bán	991.926.189.615	308.413.066.006
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.300.575.940	-
Cộng	3.519.223.197.973	1.836.734.397.150

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	12.211.357.731	5.365.908.986
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.766.074.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.275.247.376	18.066.865.876
Lãi bán cổ phần VBC	24.288.655.000	-
Cộng	55.775.260.107	30.198.848.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	80.592.049.351	27.284.472.139
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.686.705.831	15.834.186.936
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2.615.280.443	10.808.822.854
Chi phí tài chính khác	158.812.133	-
Cộng	95.052.847.758	53.927.481.929

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.849.854.253	9.775.605.888
Chi phí nhân công	21.873.460.175	19.308.222.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.812.684.093	9.142.907.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.417.035.573	13.385.117.512
Chi phí khác bằng tiền	13.369.521.591	10.941.422.893
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	69.473.734
Cộng	79.322.555.685	62.622.750.100
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.853.004.241	2.145.408.690
Chi phí nhân công	8.502.643.296	3.184.599.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.783.031.908	5.123.931.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.541.555.828	41.675.359.527
Chi phí khác bằng tiền	10.044.086.221	4.752.836.530
Cộng	105.724.321.494	56.882.135.462

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ tại Công ty mẹ	48.882.016.623	20.779.241.810
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ tại Công ty con	15.551.458.798	2.913.203.215
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	64.433.475.421	23.692.445.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.124.941.552.365	1.778.688.656.593
Chi phí nhân công	181.947.042.865	120.200.514.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.132.147.265	91.930.214.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.582.975.547	130.868.354.297
Chi phí khác bằng tiền	36.849.720.719	45.883.778.275
Cộng	2.711.453.438.760	2.167.571.518.676

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu /Lãi suy giảm trên cổ phiếu

a. Lợi nhuận (i)

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	223.342.661.746	141.985.475.965
<u>Trừ:</u> Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(17.867.412.940)	(7.969.612.748)
<i>Tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (iii)</i>	8,00%	8,00%
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	205.475.248.806	134.015.863.217

(i) Theo hướng dẫn trình bày chỉ tiêu “mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “mã số 71 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả kinh doanh của thông tư 200, phần “Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu” được tính bằng “Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” trừ (-) “Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế”.

(ii) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 là số liệu thực tế Công ty mẹ đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11802/2017NQ-ĐHĐ ngày 18 tháng 02 năm 2017, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 8%. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 được giả định có tỷ lệ không đổi so với năm tài chính 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu /Lãi suy giảm trên cổ phiếu

b. Số cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.968.056	51.321.724
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng - Chứng quyền	-	24.935.000
	-	24.935.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu suy giảm	59.968.056	76.256.724

c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.426	2.611
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.426	1.757
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Dương Phạm Investment	Bên có liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	Bên có liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư Trung và Hòa	Bên có liên quan
Công ty Cổ phần An phát Holdings	Công ty mẹ

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Khoản mục	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	660.000.000	660.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	1.823.024.786	1.515.713.000
Cộng	2.747.024.786	2.439.713.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	382.619.545	-
Công ty Cổ phần An phát Holdings	382.619.545	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:


	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản cho vay ngắn hạn	29.730.000.000	-
Công ty Cổ phần An phát Holdings	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Dương Phạm Investment	7.160.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	6.410.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Trung và Hòa	7.160.000.000	-
Các khoản vay	149.690.000.000	-
Công ty TNHH Dương Phạm Investment	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Trung và Hòa	49.690.000.000	-

7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.



Hồ Thị Hòe
Người lập



Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018